

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LỚP 12B2

NĂM HỌC: 2024-2025

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THPT CHU VĂN AN

Xã (phường, thị trấn): Thị trấn Cần Đức

Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh): Huyện Cần Đức

Tỉnh(thành phố): Tỉnh Long An

Lớp 12B2 Năm học: 2024-2025

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Huỳnh Thanh Nhân

Nguyễn Minh Triều

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
2. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) do nhà trường quản lý và sử dụng.
3. Giáo viên môn học trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) đầy đủ các thông tin cần thiết của môn học do giáo viên phụ trách, khớp với các thông tin trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học. Trường hợp có nhiều giáo viên cùng tham gia dạy học thì các giáo viên môn học cùng kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học.

Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) những thông tin thuộc nhiệm vụ quy định cho giáo viên chủ nhiệm lớp.
4. Không ghi bằng mực đỏ (trừ trường hợp sửa chữa), các loại mực có thể tẩy xóa được; việc ghi Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) phải cập nhật đúng tiến độ thời gian theo kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và bảo quản, giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ.
5. Khi sửa chữa dùng bút đỏ gạch ngang nội dung cũ, ghi nội dung mới vào phía trên bên phải vị trí ghi nội dung cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa ở ngay cạnh hoặc ở cột Ghi chú.
6. Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học chỉ cung cấp các thông tin về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) cho riêng từng học sinh hoặc cha mẹ học sinh.

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Nam/ Nữ	Đối tượng ưu tiên	Địa chỉ gia đình
1	Nguyễn Thị Kim Anh	09/07/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 6, Phước Đông, Cần Đức, Long An
2	Châu Hoài Bảo	04/02/2006	Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		119, khu 6, thị trấn Cần Đức
3	Trần Thanh Bảo	10/11/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp 4, Phước Đông, Cần Đức, Long An
4	Trương Thanh Bình	14/03/2007	Đồng Tháp	Kinh	Nam		Ấp Xóm Chùa, Tân Lân, Cần Đức, Long An
5	Nguyễn Chí Dũng	09/10/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 1, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
6	Tô Tấn Đức	08/11/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp 2, Phước Đông, Cần Đức, Long An
7	Phan Văn Hậu	12/04/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp Bình Hoà, Tân Lân, Cần Đức, Long An
8	Trần Phước Hiệp	09/01/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp Láng, Tân Chánh, Cần Đức, Long An
9	Phạm Trần Tuấn Khang	12/09/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 7, Phước Tuy, Cần Đức, Long An
10	Huỳnh Quốc Khánh	13/03/2007	Gia Lai	Kinh	Nam		Ấp 3, Phước Đông, Cần Đức, Long An
11	Nguyễn Đăng Khoa	10/12/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp 5, Phước Đông, Cần Đức, Long An
12	Phạm Anh Khôi	19/09/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp 4, Phước Đông, Cần Đức, Long An
13	Châu Tá Hoàng Khương	28/05/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp Bà Thoại, Tân Lân, Cần Đức, Long An
14	Nguyễn Minh Luân	23/02/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Xóm Chùa, Tân Lân, Cần Đức, Long An
15	Huỳnh Văn Luân	01/03/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 4, Phước Đông, Cần Đức, Long An
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	02/01/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 5, Phước Tuy, Cần Đức, Long An
17	Trần Thị Kiều My	24/10/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Bà Chù, Tân Lân, Cần Đức, Long An
18	Trần Kim Ngân	09/09/2007	Bạc Liêu	Kinh	Nữ		Ấp 6, Phước Đông, Cần Đức, Long An
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	26/06/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 3, Tân Ân, Cần Đức, Long An
20	Châu Thị Cẩm Nhung	10/03/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Khu 3, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
21	Cao Thanh Phú	16/05/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 2, Phước Đông, Cần Đức, Long An
22	Cao Minh Tâm	19/11/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp 4, Phước Đông, Cần Đức, Long An
23	Nguyễn Minh Tâm	16/10/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 2a, Tân Ân, Cần Đức, Long An
24	Nguyễn Thành Tân	26/03/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 4, Phước Đông, Cần Đức, Long An
25	Trương Quốc Thái	16/06/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp 6, Phước Đông, Cần Đức, Long An
26	Ung Thị Như Thảo	12/01/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Bà Thoại, Tân Lân, Cần Đức, Long An
27	Trần Quốc Thắng	10/11/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 4, Phước Đông, Cần Đức, Long An
28	Nguyễn Hoài Thiện	07/05/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp 4, Tân Ân, Cần Đức, Long An
29	Lê Gia Thịnh	13/07/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Chợ Trạm, Mỹ Lệ, Cần Đức, Long An
30	Trần Chánh Tín	10/11/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 4, Phước Đông, Cần Đức, Long An
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	30/04/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 4, Tân Ân, Cần Đức, Long An
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	29/06/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp 4, Phước Đông, Cần Đức, Long An
33	Nguyễn Minh Trung	17/12/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp 5, Phước Đông, Cần Đức, Long An
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	10/02/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 4, Phước Đông, Cần Đức, Long An
35	Nguyễn Thái Tuấn	19/12/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 2, Phước Đông, Cần Đức, Long An
36	Nguyễn Thị Yến Vi	23/05/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 4, Tân Ân, Cần Đức, Long An
37	Nguyễn Hữu Vinh	17/09/2007	Bến Tre	Kinh	Nam		Ấp 7, Phước Đông, Cần Đức, Long An
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	29/05/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Đông Trung, Tân Chánh, Cần Đức, Long An
39	Nguyễn Trường Phương Vy	08/09/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 4, Phước Đông, Cần Đức, Long An
40	Nguyễn Thị Yến Vy	05/05/2007	An Giang	Kinh	Nữ		Ấp 5, Tân Ân, Cần Đức, Long An

Số TT	Họ và tên cha, nghề nghiệp, điện thoại, email <i>(hoặc người giám hộ)</i>	Họ và tên mẹ, nghề nghiệp, điện thoại, email <i>(hoặc người giám hộ)</i>	Những thay đổi cần chú ý trong năm học <i>(gia đình, sức khỏe, nơi ở ...)</i>
1	Nguyễn Văn Thơi - Tài xế	Nguyễn Thị Hồng Ngự - Nội trợ	
2	Châu Hoài Nam - Buôn bán	Nguyễn Thị Bích - Buôn bán	
3	Trần Thanh Điền - Công nhân	Trần Kiều Tiên - Công nhân	
4	Trương Vĩnh Cường - Công nhân	Trần Thị Hiếu - Công nhân	
5		Nguyễn Thị Ngọc Loan - Nội trợ	
6	Tô Tấn Tài - Đi ghe	Nguyễn Thị Hoàng Lan - Công nhân	
7	Phan Văn Tắc - Làm ruộng	Nguyễn Thị Kim Nguyên - Làm ruộng	
8	Trần Văn Rô - Xây dựng	Lê Thị Kim Thoa - Buôn bán	
9	Phạm Tuấn Hải - Công nhân	Trần Thị Thuý Liễu - Nội trợ	
10	Huỳnh Võ Ân - Tài xế	Nguyễn Thị Thu Sương - buôn bán	
11	Nguyễn Văn Quới - Thợ mộc	Nguyễn Thị Hồng Phượng - Nội trợ	
12	Phạm Minh Cường - Làm thuê	Tô Thị Kim Phí - Công nhân	
13	Châu Tá Mười - Làm ruộng	Phạm Ngọc Liễu - Làm ruộng	
14	Nguyễn Văn Liễu - Thợ hồ	Nguyễn Thị Vân - Làm nhang	
15	Huỳnh Văn Long - Phụ hồ	Hồ Thị Kim Hương - Nội trợ	
16	Nguyễn Phạm Minh Thiện - Làm ruộng	Trần Thị Kim Thu - Nội trợ	
17	Trần Văn An - Làm ruộng	Thạch Thị So Đa - Làm ruộng	
18	Trần Văn Lượng - Chăn nuôi	Nguyễn Chiêu Anh - Tự do	
19	Nguyễn Văn Hoà - Mát	Trần Thị Trúc Trinh - Công nhân	
20	Châu Văn Út - Buôn bán	Bùi Thị Yến Loan - Buôn bán	
21	Cao Thanh Phong - Làm ruộng	Dương Thị Mỹ Xuyên - Buôn bán	
22	Cao Văn Mười Ba - Tài xế	Nguyễn Thị Diễm Trang - Nội trợ	
23	Nguyễn Minh Hoàng - Làm ruộng	Nguyễn Thị Hồng Ba - Công nhân	
24	Nguyễn Tấn Thanh - Lái xe	Nguyễn Thị Cẩm Dung - Nội trợ	
25	Trương Văn Lôi - Làm ruộng	Phan Thị Ngọc Vân - Công nhân	
26	Ung Minh Thành - Buôn bán	Vô Thúy Diệu - Nội trợ	
27	Trần Văn Lợi - Buôn bán	Phạm Kim Phường - Công nhân	
28	Nguyễn Bá Toàn - Công nhân	Lê Thị Ngọc Trâm - Thợ may	
29	Lê Tấn Bình An - Buôn bán	Nguyễn Kim Nhung - Buôn bán	
30	Trần Chánh Trực - Bệnh	Trần Thị Tú Thư - Buôn bán	
31	Huỳnh Minh Khải - công nhân	Nguyễn Cẩm Vân - Nội trợ	
32	Huỳnh Minh Hùng - Điện lạnh	Nguyễn Ngọc Yến - Nội trợ	
33	Nguyễn Minh Hải - Công nhân	Huỳnh Thị Cẩm Huyền - Công nhân	
34	Nguyễn Văn Hậu - Chăn nuôi	Trần Thị Hoàng Yến - Chăn nuôi	
35	Nguyễn Văn Hà - Đi xà lan	Vô Thị Xuân Đào - Công nhân	
36	Nguyễn Hà Giang - Buôn bán	Đỗ Thị Lệ Huyền - Buôn bán	
37	Nguyễn Văn Phúc - Công nhân	Trương Thị Phụng - Công nhân	
38	Nguyễn Minh Tân - Thợ mộc	Huỳnh Thị Dúng - Nội trợ	
39	Nguyễn Trường Hưng - Cơ khí	Nguyễn Thị Thanh Phương - Công nhân	
40	Nguyễn Văn Cường - Tự do	Nguyễn Thị Kim Hương - Nội trợ	

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2		TS	P	K
1	Nguyễn Thị Kim Anh																																	0	0	0
2	Châu Hoài Bảo																																	0	0	0
3	Trần Thanh Bảo																																	0	0	0
4	Trương Thanh Bình																																	0	0	0
5	Nguyễn Chí Dũng																																	0	0	0
6	Tô Tấn Đức																																	0	0	0
7	Phan Văn Hậu																																	0	0	0
8	Trần Phước Hiệp																																	0	0	0
9	Phạm Trần Tuấn Khang																																	0	0	0
10	Huỳnh Quốc Khánh																																	0	0	0
11	Nguyễn Đăng Khoa																																	0	0	0
12	Phạm Anh Khôi																																	0	0	0
13	Châu Tả Hoàng Khương																																	0	0	0
14	Nguyễn Minh Luân																																	0	0	0
15	Huỳnh Văn Luân																																	0	0	0
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn																																	0	0	0
17	Trần Thị Kiều My																																	0	0	0
18	Trần Kim Ngân																																	0	0	0
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã																																	0	0	0
20	Châu Thị Cẩm Nhung																																	0	0	0
21	Cao Thanh Phú																																	0	0	0
22	Cao Minh Tâm																																	0	0	0
23	Nguyễn Minh Tâm																																	0	0	0
24	Nguyễn Thành Tân																																	0	0	0
25	Trương Quốc Thái																																	0	0	0
26	Ung Thị Như Thảo																																	0	0	0
27	Trần Quốc Thắng																																	0	0	0
28	Nguyễn Hoài Thiện																																	0	0	0
29	Lê Gia Thịnh																																	0	0	0
30	Trần Chánh Tín																																	0	0	0
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân																																	0	0	0
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí																																	0	0	0
33	Nguyễn Minh Trung																																	0	0	0
34	Nguyễn Hoàng Tuấn																																	0	0	0
35	Nguyễn Thái Tuấn																																	0	0	0
36	Nguyễn Thị Yến Vi																																	0	0	0
37	Nguyễn Hữu Vinh																																	0	0	0
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy																																	0	0	0
39	Nguyễn Trường Phương Vy																																	0	0	0
40	Nguyễn Thị Yến Vy																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0

Ti lệ:

có phép: 0%
không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Huỳnh Thanh Nhân

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Huỳnh Thanh Nhân	Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Huỳnh Thanh Nhân	Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	TS	P	K
1	Nguyễn Thị Kim Anh																																	0	0	0
2	Châu Hoài Bảo							K						K						P														3	1	2
3	Trần Thanh Bảo																																	0	0	0
4	Trương Thanh Bình											K																						1	0	1
5	Nguyễn Chí Dũng																																	0	0	0
6	Tô Tấn Đức																																	0	0	0
7	Phan Văn Hậu																																	0	0	0
8	Trần Phước Hiệp																																	0	0	0
9	Phạm Trần Tuấn Khang																																	0	0	0
10	Huỳnh Quốc Khánh																																	0	0	0
11	Nguyễn Đăng Khoa																																	0	0	0
12	Phạm Anh Khôi																																	0	0	0
13	Châu Tả Hoàng Khương																																	0	0	0
14	Nguyễn Minh Luân																			P													1	1	0	
15	Huỳnh Văn Luân																																	0	0	0
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn																																	0	0	0
17	Trần Thị Kiều My																																	0	0	0
18	Trần Kim Ngân																																	0	0	0
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã																										P							1	1	0
20	Châu Thị Cẩm Nhung																									P	P							2	2	0
21	Cao Thanh Phú																																	0	0	0
22	Cao Minh Tâm																																	0	0	0
23	Nguyễn Minh Tâm																																	0	0	0
24	Nguyễn Thành Tân																										P							1	1	0
25	Trương Quốc Thái																																	0	0	0
26	Ung Thị Như Thảo																																	0	0	0
27	Trần Quốc Thắng																																	0	0	0
28	Nguyễn Hoài Thiện																																	0	0	0
29	Lê Gia Thịnh																																	0	0	0
30	Trần Chánh Tín																																	0	0	0
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân																																	0	0	0
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí																																	0	0	0
33	Nguyễn Minh Trung																																			

Tỉ lệ:
có phép: 75.00%
không phép: 25.00%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Huỳnh Thanh Nhân

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 0%		
không phép: 0%		
	Huỳnh Thanh Nhân	Nguyễn Minh Triều

[illegible]

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 87.50%		
không phép: 12.50%		
	Huỳnh Thanh Nhân	Nguyễn Minh Triều

Ti lệ:

có phép: 0%

không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Huỳnh Thanh Nhân

Nguyễn Minh Triều

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ I

HỌC KỲ I

Toán

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐDGtx					ĐDGgk	ĐDGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Thị Kim Anh	9,0	10,0	10,0	10,0		6,0	7,5	8,2	Học giỏi, chăm ngoan
2	Châu Hoài Bảo	8,0	8,0	9,0	9,0		5,0	8,0	7,6	Học khá
3	Trần Thanh Bảo	10,0	10,0	10,0	10,0		7,0	9,0	9,0	Học giỏi, tích cực trong học tập
4	Trương Thanh Bình	8,0	8,0	8,0	9,0		5,0	8,3	7,5	Học khá
5	Nguyễn Chí Dũng	10,0	10,0	10,0	10,0		6,8	8,5	8,8	Học giỏi, chăm ngoan
6	Tô Tấn Đức	10,0	10,0	10,0	10,0		7,3	8,5	8,9	Học giỏi, chăm ngoan
7	Phan Văn Hậu	9,0	8,0	9,0	9,0		6,3	7,5	7,8	Học khá
8	Trần Phước Hiệp	9,0	9,0	9,0	10,0		6,8	7,5	8,1	Học giỏi, chăm ngoan
9	Phạm Trần Tuấn Khang	9,0	9,0	9,0	9,0		6,0	7,3	7,8	Học khá
10	Huỳnh Quốc Khánh	9,0	9,0	9,0	9,0		7,3	8,5	8,5	Học giỏi, chăm ngoan
11	Nguyễn Đăng Khoa	8,0	9,0	10,0	10,0		6,5	9,0	8,6	Học giỏi, chăm ngoan
12	Phạm Anh Khôi	10,0	10,0	10,0	10,0		8,0	9,5	9,4	Học giỏi, tích cực trong học tập
13	Châu Tá Hoàng Khương	10,0	10,0	9,0	9,0		6,0	7,5	8,1	Học khá
14	Nguyễn Minh Luân	8,0	8,0	9,0	9,0		6,5	7,5	7,7	Học khá
15	Huỳnh Văn Luân	8,0	8,0	9,0	9,0		7,0	7,5	7,8	Học khá
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	9,0	10,0	10,0	9,0		5,3	7,3	7,8	Học khá
17	Trần Thị Kiều My	8,0	9,0	9,0	9,0		5,3	8,5	7,9	Học khá
18	Trần Kim Ngân	9,0	10,0	10,0	10,0		6,0	8,3	8,4	Học giỏi, chăm ngoan
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	9,0	9,0	10,0	10,0		7,0	8,5	8,6	Học giỏi, chăm ngoan
20	Châu Thị Cẩm Nhung	9,0	10,0	10,0	10,0		5,0	7,8	8,0	Học giỏi, chăm ngoan
21	Cao Thanh Phú	9,0	9,0	10,0	9,0		5,5	7,0	7,7	Học khá
22	Cao Minh Tâm	9,0	9,0	10,0	9,0		5,8	7,3	7,8	Học khá
23	Nguyễn Minh Tâm	10,0	10,0	10,0	10,0		6,8	7,5	8,5	Học giỏi, chăm ngoan
24	Nguyễn Thành Tân	9,0	9,0	10,0	9,0		7,8	7,0	8,2	Học giỏi, chăm ngoan
25	Trương Quốc Thái	9,0	9,0	10,0	8,0		6,8	7,8	8,1	Học giỏi, chăm ngoan
26	Ung Thị Như Thảo	9,0	9,0	10,0	8,0		7,5	8,5	8,5	Học giỏi, chăm ngoan
27	Trần Quốc Thắng	9,0	9,0	10,0	9,0		7,5	7,0	8,1	Học giỏi, chăm ngoan
28	Nguyễn Hoài Thiện	9,0	10,0	10,0	10,0		7,5	8,5	8,8	Học giỏi, chăm ngoan
29	Lê Gia Thịnh	9,0	9,0	9,0	8,0		6,8	8,0	8,1	Học giỏi, chăm ngoan
30	Trần Chánh Tín	9,0	9,0	10,0	10,0		5,0	7,3	7,8	Học khá
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	9,0	9,0	10,0	10,0		5,5	7,8	8,0	Học giỏi, chăm ngoan
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	8,0	8,0	10,0	9,0		7,5	7,0	7,9	Học khá
33	Nguyễn Minh Trung	9,0	9,0	9,0	10,0		6,0	7,0	7,8	Học khá
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	10,0	10,0	10,0	10,0		7,3	6,8	8,3	Học giỏi, chăm ngoan
35	Nguyễn Thái Tuấn	9,0	9,0	10,0	10,0		5,0	7,3	7,8	Học khá
36	Nguyễn Thị Yến Vi	9,0	9,0	10,0	8,0		7,3	7,5	8,1	Học giỏi, chăm ngoan
37	Nguyễn Hữu Vinh	9,0	8,0	10,0	8,0		7,5	7,8	8,2	Học giỏi, chăm ngoan
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	9,0	9,0	10,0	8,0		8,0	8,0	8,4	Học giỏi, chăm ngoan
39	Nguyễn Trường Phương Vy	9,0	9,0	10,0	10,0		6,3	6,8	7,9	Học khá
40	Nguyễn Thị Yến Vy	9,0	9,0	10,0	10,0		6,8	6,8	8,0	Học giỏi, chăm ngoan

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Huỳnh Thanh Nhân

Vật lý HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGc	ĐTB mhh	Ghi Chú	
1	Nguyễn Thị Kim Anh	8,0	7,0	7,0			7,8	9,1	8,1	Học tốt, chăm, ngoan.	
2	Châu Hoài Bảo	8,0	5,0	7,0			6,1	7,0	6,7	Học khá, có cố gắng, cần có ý thức học tập hơn.	
3	Trần Thanh Bảo	10,0	9,0	9,0			8,5	9,5	9,2	Xuất sắc,chăm ngoan, tích cực.	
4	Trương Thanh Bình	7,0	4,0	6,0			7,0	8,4	7,0	Học khá, có cố gắng, cần có ý thức học tập hơn.	
5	Nguyễn Chí Dũng	9,0	7,0	9,0			9,0	7,4	8,2	Học tốt, chăm, ngoan.	
6	Tô Tấn Đức	10,0	7,0	8,0			9,0	8,5	8,6	Học tốt, chăm, ngoan.	
7	Phan Văn Hậu	8,0	4,0	8,0			6,0	9,4	7,5	Học khá, có cố gắng, cần có ý thức học tập hơn.	
8	Trần Phước Hiệp	7,0	6,0	7,0			7,9	8,0	7,5	Học khá, chăm ngoan.	
9	Phạm Trần Tuấn Khang	8,0	7,0	6,0			6,3	8,2	7,3	Học khá, chăm ngoan.	
10	Huỳnh Quốc Khánh	9,0	7,0	8,0			7,6	8,4	8,1	Học tốt, chăm, ngoan.	
11	Nguyễn Đăng Khoa	9,0	7,0	8,0			8,3	9,5	8,6	Học tốt, chăm, ngoan.	
12	Phạm Anh Khôi	10,0	9,0	9,0			8,5	9,3	9,1	Xuất sắc, chăm ngoan, tích cực.	
13	Châu Tá Hoàng Khương	8,0	5,0	7,0			5,9	6,0	6,2	Học khá, có cố gắng, cần có ý thức học tập hơn.	
14	Nguyễn Minh Luân	7,0	5,0	6,0			7,4	6,8	6,7	Học khá, có cố gắng, cần có ý thức học tập hơn.	
15	Huỳnh Văn Luân	8,0	7,0	6,0			5,9	7,1	6,8	Học khá, có cố gắng.	
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	8,0	5,0	6,0			8,8	7,5	7,4	Học khá, chăm ngoan.	
17	Trần Thị Kiều My	9,0	6,0	7,0			7,5	6,9	7,2	Học khá, chăm ngoan.	
18	Trần Kim Ngân	9,0	6,0	8,0			8,5	6,9	7,6	Học khá, chăm ngoan.	
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	9,0	6,0	6,0			7,0	7,6	7,2	Học khá, chăm ngoan.	
20	Châu Thị Cẩm Nhung	8,0	6,0	7,0			7,0	7,9	7,3	Học khá, chăm ngoan.	
21	Cao Thanh Phú	9,0	7,0	8,0			5,4	6,5	6,8	Học khá, có cố gắng.	
22	Cao Minh Tâm	8,0	7,0	7,0			5,8	7,1	6,9	Học khá, có cố gắng, cần có ý thức học tập hơn.	
23	Nguyễn Minh Tâm	10,0	7,0	9,0			8,3	9,5	8,9	Học tốt, chăm, ngoan.	
24	Nguyễn Thành Tân	8,0	6,0	7,0			6,3	7,8	7,1	Học khá, có cố gắng.	
25	Trương Quốc Thái	9,0	7,0	8,0			8,0	7,6	7,9	Học khá, chăm ngoan.	
26	Ung Thị Như Thảo	8,0	7,0	8,0			7,0	8,4	7,8	Học khá, chăm ngoan.	
27	Trần Quốc Thắng	9,0	7,0	8,0			6,8	7,9	7,7	Học khá, chăm ngoan.	
28	Nguyễn Hoài Thiện	9,0	7,0	9,0			7,5	7,5	7,8	Học khá, chăm ngoan.	
29	Lê Gia Thịnh	9,0	7,0	8,0			7,3	5,8	7,0	Học khá, có cố gắng.	
30	Trần Chánh Tín	6,0	6,0	6,0			7,0	7,9	7,0	Học khá, có cố gắng.	
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	9,0	6,0	7,0			7,0	7,8	7,4	Học khá, chăm ngoan.	
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	8,0	6,0	7,0			7,6	8,4	7,7	Học khá, có cố gắng.	
33	Nguyễn Minh Trung	8,0	6,0	7,0			7,1	6,9	7,0	Học khá, có cố gắng.	
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	10,0	8,0	8,0			7,0	7,0	7,6	Học khá, chăm ngoan.	
35	Nguyễn Thái Tuấn	8,0	6,0	6,0			6,1	7,0	6,7	Học khá, có cố gắng.	
36	Nguyễn Thị Yến Vi	7,0	6,0	7,0			7,3	8,1	7,4	Học khá, có cố gắng.	
37	Nguyễn Hữu Vinh	8,0	7,0	7,0			8,6	8,0	7,9	Học khá, có cố gắng.	
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	9,0	5,0	8,0			8,0	9,4	8,3	Học tốt, chăm ngoan.	
39	Nguyễn Trường Phương Vy	8,0	7,0	7,0			6,8	8,4	7,6	Học khá, chăm ngoan.	
40	Nguyễn Thị Yến Vy	9,0	6,0	8,0			6,1	7,5	7,2	Học khá, chăm ngoan.	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

Hóa học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú		
1	Nguyễn Thị Kim Anh	8,0	10,0	9,0			8,0	9,0	8,8	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
2	Châu Hoài Bảo	10,0	9,0	9,0			9,8	8,5	9,1	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
3	Trần Thanh Bảo	10,0	10,0	9,0			10,0	10,0	9,9	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
4	Trương Thanh Bình	8,0	8,0	9,0			8,0	7,3	7,9	Học khá, cần cố gắng.		
5	Nguyễn Chí Dũng	10,0	10,0	8,0			10,0	10,0	9,8	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
6	Tô Tấn Đức	10,0	10,0	8,0			10,0	10,0	9,8	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
7	Phan Văn Hậu	8,0	8,0	8,0			8,5	7,5	7,9	Học khá, cần cố gắng.		
8	Trần Phước Hiệp	9,0	10,0	9,0			9,0	8,0	8,8	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
9	Phạm Trần Tuấn Khang	9,0	9,0	8,0			9,0	9,5	9,1	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
10	Huỳnh Quốc Khánh	10,0	10,0	9,0			10,0	9,8	9,8	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
11	Nguyễn Đăng Khoa	9,0	9,0	8,0			9,0	9,3	9,0	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
12	Phạm Anh Khôi	9,0	9,0	8,0			9,0	9,8	9,2	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
13	Châu Tá Hoàng Khương	9,0	10,0	10,0			5,0	6,5	7,3	Học khá, cần cố gắng hơn		
14	Nguyễn Minh Luân	8,0	8,0	8,0			8,5	9,3	8,6	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
15	Huỳnh Văn Luân	7,0	8,0	8,0			7,0	9,0	8,0	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	10,0	9,0	9,0			9,5	9,5	9,4	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
17	Trần Thị Kiều My	9,0	10,0	8,0			9,0	10,0	9,4	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
18	Trần Kim Ngân	10,0	10,0	9,0			10,0	9,3	9,6	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	9,0	10,0	8,0			9,0	10,0	9,4	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
20	Châu Thị Cẩm Nhung	8,0	8,0	8,0			8,0	8,8	8,3	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
21	Cao Thanh Phú	10,0	10,0	8,0			10,0	10,0	9,8	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
22	Cao Minh Tâm	10,0	10,0	8,0			9,8	9,5	9,5	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
23	Nguyễn Minh Tâm	8,0	8,0	8,0			8,0	8,8	8,3	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
24	Nguyễn Thành Tân	7,0	8,0	8,0			7,0	8,8	7,9	Học khá, cần cố gắng.		
25	Trương Quốc Thái	8,0	9,0	8,0			8,5	9,5	8,8	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
26	Ung Thị Như Thảo	10,0	10,0	8,0			10,0	10,0	9,8	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
27	Trần Quốc Thắng	10,0	10,0	8,0			10,0	9,5	9,6	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
28	Nguyễn Hoài Thiện	8,0	9,0	8,0			8,5	9,8	8,9	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
29	Lê Gia Thịnh	10,0	10,0	9,0			10,0	9,5	9,7	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
30	Trần Chánh Tín	9,0	9,0	8,0			9,0	9,0	8,9	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	9,0	8,0	8,0			9,0	8,5	8,6	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	8,0	10,0	8,0			8,5	10,0	9,1	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
33	Nguyễn Minh Trung	10,0	10,0	8,0			10,0	10,0	9,8	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	10,0	10,0	8,0			10,0	9,8	9,7	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
35	Nguyễn Thái Tuấn	9,0	8,0	8,0			8,8	7,0	8,0	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
36	Nguyễn Thị Yến Vi	10,0	10,0	8,0			10,0	10,0	9,8	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
37	Nguyễn Hữu Vinh	10,0	10,0	9,0			9,8	9,5	9,6	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	10,0	10,0	8,0			10,0	10,0	9,8	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
39	Nguyễn Trường Phương Vy	9,0	9,0	8,0			9,0	9,8	9,2	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
40	Nguyễn Thị Yến Vy	8,0	10,0	8,0			8,5	10,0	9,1	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hữu Tân

Sinh học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Nguyễn Thị Kim Anh	8,0	9,0	9,0			8,8	6,8	8,0	Học tốt, chăm ngoan.	
2	Châu Hoài Bảo	8,0	9,0	9,0			8,8	7,8	8,4	Học tốt, chăm ngoan.	
3	Trần Thanh Bảo	8,0	8,0	9,0			6,5	7,8	7,7	Học khá, cần cố gắng hơn.	
4	Trương Thanh Bình	7,0	7,0	7,0			8,3	7,3	7,4	Học khá, cần cố gắng hơn.	
5	Nguyễn Chí Dũng	10,0	8,0	9,0			6,5	7,3	7,7	Học khá, cần cố gắng hơn.	
6	Tô Tấn Đức	10,0	7,0	9,0			8,3	8,8	8,6	Học tốt, chăm ngoan.	
7	Phan Văn Hậu	7,0	8,0	9,0			7,8	8,0	8,0	Học tốt, chăm ngoan.	
8	Trần Phước Hiệp	8,0	6,0	8,0			7,0	8,5	7,7	Học khá, cần cố gắng hơn.	
9	Phạm Trần Tuấn Khang	9,0	10,0	9,0			8,3	7,3	8,3	Học tốt, chăm ngoan.	
10	Huỳnh Quốc Khánh	9,0	6,0	9,0			7,0	7,8	7,7	Học khá, cần cố gắng hơn.	
11	Nguyễn Đăng Khoa	8,0	7,0	8,0			7,5	8,8	8,1	Học tốt, chăm ngoan.	
12	Phạm Anh Khôi	9,0	7,0	9,0			6,5	7,8	7,7	Học khá, cần cố gắng hơn.	
13	Châu Tá Hoàng Khương	8,0	7,0	9,0			7,5	6,8	7,4	Học khá, cần cố gắng hơn.	
14	Nguyễn Minh Luân	8,0	9,0	8,0			8,8	6,8	7,9	Học khá, chăm ngoan.	
15	Huỳnh Văn Luân	8,0	6,0	9,0			7,3	7,0	7,3	Học khá, cần cố gắng hơn.	
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	8,0	9,0	8,0			6,8	7,5	7,6	Học khá, cần cố gắng hơn.	
17	Trần Thị Kiều My	9,0	10,0	9,0			7,3	8,8	8,6	Học tốt, chăm ngoan.	
18	Trần Kim Ngân	10,0	9,0	9,0			7,0	8,3	8,4	Học tốt, chăm ngoan.	
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	9,0	9,0	9,0			7,8	8,5	8,5	Học tốt, chăm ngoan.	
20	Châu Thị Cẩm Nhung	9,0	6,0	9,0			6,5	7,3	7,4	Học khá, cần cố gắng hơn.	
21	Cao Thanh Phú	10,0	7,0	9,0			8,0	7,3	8,0	Học tốt, chăm ngoan.	
22	Cao Minh Tâm	8,0	7,0	8,0			7,5	8,5	7,9	Học khá, chăm ngoan.	
23	Nguyễn Minh Tâm	10,0	9,0	8,0			8,3	7,5	8,3	Học tốt, chăm ngoan.	
24	Nguyễn Thành Tân	10,0	10,0	8,0			6,8	7,5	8,0	Học tốt, chăm ngoan.	
25	Trương Quốc Thái	9,0	8,0	7,0			7,5	7,3	7,6	Học khá, cần cố gắng hơn.	
26	Ung Thị Như Thảo	9,0	9,0	9,0			9,0	8,8	8,9	Học tốt, chăm ngoan.	
27	Trần Quốc Thắng	8,0	8,0	8,0			7,8	8,5	8,1	Học tốt, chăm ngoan.	
28	Nguyễn Hoài Thiện	9,0	10,0	8,0			7,8	8,5	8,5	Học tốt, chăm ngoan.	
29	Lê Gia Thịnh	10,0	10,0	9,0			7,3	6,8	8,0	Học tốt, chăm ngoan.	
30	Trần Chánh Tín	9,0	8,0	9,0			7,3	6,8	7,6	Học khá, cần cố gắng hơn.	
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	8,0	8,0	9,0			8,5	7,0	7,9	Học khá, chăm ngoan.	
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	8,0	6,0	8,0			8,5	8,8	8,2	Học tốt, chăm ngoan.	
33	Nguyễn Minh Trung	8,0	9,0	9,0			7,0	7,5	7,8	Học khá, chăm ngoan.	
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	10,0	10,0	8,0			6,8	7,5	8,0	Học tốt, chăm ngoan.	
35	Nguyễn Thái Tuấn	8,0	7,0	9,0			7,3	6,8	7,4	Học khá, cần cố gắng hơn.	
36	Nguyễn Thị Yến Vi	8,0	7,0	8,0			8,0	8,5	8,1	Học tốt, chăm ngoan.	
37	Nguyễn Hữu Vinh	8,0	6,0	8,0			6,5	8,8	7,7	Học khá, cần cố gắng hơn.	
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	9,0	8,0	9,0			6,8	9,3	8,4	Học tốt, chăm ngoan.	
39	Nguyễn Trường Phương Vy	9,0	10,0	9,0			9,0	6,8	8,3	Học tốt, chăm ngoan.	
40	Nguyễn Thị Yến Vy	8,0	9,0	8,0			8,8	7,8	8,3	Học tốt, chăm ngoan.	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Thị Đông Trang

HỌC KỲ I Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGc	ĐTB mhh	Ghi Chú	
1	Nguyễn Thị Kim Anh	8,0	8,0	8,0	8,0		7,5	7,0	7,6	Cần cố gắng hơn sẽ đạt kết quả cao	
2	Châu Hoài Bảo	8,0	7,0	8,0	10,0		7,0	5,5	7,1	Cố gắng hơn nữa sẽ tiến bộ	
3	Trần Thanh Bảo	9,0	10,0	10,0	10,0		9,0	8,5	9,2	Học giỏi, năng động và sáng tạo trong học tập	
4	Trương Thanh Bình	7,0	8,0	7,0	10,0		8,5	7,5	7,9	Học khá, có sáng tạo và năng động	
5	Nguyễn Chí Dũng	8,0	7,0	8,0	10,0		7,0	8,0	7,9	Học khá, có sáng tạo và năng động	
6	Tô Tấn Đức	9,0	7,0	9,0	10,0		8,0	7,5	8,2	Học giỏi, chăm ngoan	
7	Phan Văn Hậu	8,0	7,0	9,0	8,0		8,0	5,5	7,2	Cố gắng hơn nữa sẽ tiến bộ	
8	Trần Phước Hiệp	7,0	9,0	8,0	8,0		7,5	5,5	7,1	Cố gắng hơn nữa sẽ tiến bộ	
9	Phạm Trần Tuấn Khang	7,0	8,0	8,0	9,0		10,0	8,5	8,6	Rất cố gắng, đáng khen	
10	Huỳnh Quốc Khánh	8,0	9,0	9,0	8,0		8,5	7,0	8,0	Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập	
11	Nguyễn Đăng Khoa	10,0	10,0	10,0	10,0		9,0	8,0	9,1	Học giỏi, năng động và sáng tạo trong học tập	
12	Phạm Anh Khôi	10,0	8,0	9,0	10,0		8,0	8,0	8,6	Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	
13	Châu Tá Hoàng Khương	7,0	7,0	8,0	9,0		7,0	6,0	7,0	Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn	
14	Nguyễn Minh Luân	8,0	7,0	8,0	8,0		7,5	7,0	7,4	Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn	
15	Huỳnh Văn Luân	9,0	5,0	6,0	9,0		7,0	7,0	7,1	Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn	
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	9,0	9,0	8,0	10,0		6,0	5,5	7,2	Cố gắng hơn nữa sẽ tiến bộ	
17	Trần Thị Kiều My	6,0	7,0	7,0	10,0		8,5	7,0	7,6	Học khá, có sáng tạo và năng động	
18	Trần Kim Ngân	7,0	8,0	8,0	9,0		8,5	7,5	7,9	Có tiến bộ, cần cố gắng hơn	
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	6,0	10,0	8,0	9,0		9,5	7,5	8,3	Học giỏi, chăm ngoan	
20	Châu Thị Cẩm Nhung	8,0	8,0	6,0	8,0		8,0	7,0	7,4	Cố gắng hơn nữa sẽ tiến bộ	
21	Cao Thanh Phú	8,0	9,0	9,0	9,0		8,5	6,5	7,9	Học khá, có sáng tạo và năng động	
22	Cao Minh Tâm	8,0	5,0	8,0	8,0		7,0	7,5	7,3	Cố gắng hơn nữa sẽ tiến bộ	
23	Nguyễn Minh Tâm	10,0	8,0	9,0	10,0		8,0	7,0	8,2	Tinh thần học tập tốt, năng động	
24	Nguyễn Thành Tân	9,0	9,0	10,0	10,0		9,0	8,0	8,9	Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	
25	Trương Quốc Thái	10,0	10,0	10,0	10,0		8,0	7,5	8,7	Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.	
26	Ung Thị Như Thảo	8,0	8,0	9,0	8,0		9,0	7,0	8,0	Học giỏi, chăm ngoan	
27	Trần Quốc Thắng	9,0	9,0	10,0	10,0		8,5	7,0	8,4	Học giỏi, chăm ngoan	
28	Nguyễn Hoài Thiện	8,0	9,0	8,0	10,0		8,0	7,0	8,0	Học giỏi, chăm ngoan	
29	Lê Gia Thịnh	9,0	10,0	9,0	10,0		7,0	7,5	8,3	Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập	
30	Trần Chánh Tín	7,0	8,0	7,0	8,0		7,0	6,5	7,1	Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn	
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	8,0	9,0	8,0	8,0		7,0	5,5	7,1	Cố gắng hơn nữa sẽ tiến bộ	
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	6,0	7,0	9,0	9,0		7,0	7,5	7,5	Cần cố gắng hơn sẽ đạt kết quả cao	
33	Nguyễn Minh Trung	8,0	7,0	8,0	8,0		8,0	7,5	7,7	Có tiến bộ, cần cố gắng hơn	
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	8,0	8,0	9,0	10,0		6,0	7,0	7,6	Học khá, có sáng tạo và năng động	
35	Nguyễn Thái Tuấn	9,0	7,0	8,0	8,0		7,5	7,0	7,6	Cần cố gắng hơn sẽ đạt kết quả cao	
36	Nguyễn Thị Yến Vi	9,0	9,0	9,0	8,0		10,0	7,0	8,4	Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập	
37	Nguyễn Hữu Vinh	8,0	9,0	8,0	9,0		6,5	5,5	7,1	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập	
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	10,0	9,0	9,0	9,0		10,0	7,5	8,8	Rất cố gắng, đáng khen	
39	Nguyễn Trường Phương Vy	6,0	7,0	8,0	9,0		8,5	6,5	7,4	Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn	
40	Nguyễn Thị Yến Vy	8,0	9,0	8,0	9,0		8,5	8,0	8,3	Tinh thần học tập tốt, năng động	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Võ Thị Kiều Trang

Lịch sử HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)										
STT	Họ và tên	ĐDGtx					ĐDGgk	ĐDGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Thị Kim Anh	7,0	10,0	8,0			7,0	7,9	7,8	Học khá, có cố gắng.
2	Châu Hoài Bảo	9,0	9,0	8,0			7,3	5,0	7,0	Học khá, có cố gắng.
3	Trần Thanh Bảo	8,0	9,0	8,0			8,3	7,0	7,8	Học khá, có cố gắng.
4	Trương Thanh Bình	8,0	8,0	8,0			7,0	6,0	7,0	Học khá, có cố gắng.
5	Nguyễn Chí Dũng	7,0	8,0	9,0			7,5	7,8	7,8	Học khá, có cố gắng.
6	Tô Tấn Đức	9,0	9,0	8,0			7,0	9,0	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
7	Phan Văn Hậu	9,0	8,0	9,0			8,5	5,5	7,4	Học khá, có cố gắng.
8	Trần Phước Hiệp	7,0	9,0	8,0			7,3	8,3	7,9	Học khá, có cố gắng.
9	Phạm Trần Tuấn Khang	9,0	8,0	10,0			8,0	9,5	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
10	Huỳnh Quốc Khánh	7,0	10,0	8,0			7,3	6,5	7,4	Học khá, có cố gắng.
11	Nguyễn Đăng Khoa	8,0	8,0	10,0			8,0	8,0	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
12	Phạm Anh Khôi	7,0	7,0	9,0			7,0	7,3	7,4	Học khá, có cố gắng.
13	Châu Tá Hoàng Khương	9,0	8,0	7,0			7,5	6,0	7,1	Học khá, có cố gắng.
14	Nguyễn Minh Luân	9,0	9,0	7,0			7,8	6,5	7,5	Học khá, có cố gắng.
15	Huỳnh Văn Luân	9,0	9,0	9,0			7,0	5,0	7,0	Học khá, có cố gắng.
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	9,0	8,0	9,0			7,8	5,5	7,3	Học khá, có cố gắng.
17	Trần Thị Kiều My	8,0	10,0	8,0			8,0	8,5	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
18	Trần Kim Ngân	8,0	10,0	9,0			9,0	6,5	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	8,0	10,0	8,0			8,5	9,0	8,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
20	Châu Thị Cẩm Nhung	8,0	10,0	8,0			7,5	6,5	7,6	Học khá, có cố gắng.
21	Cao Thanh Phú	9,0	8,0	9,0			7,5	6,0	7,4	Học khá, có cố gắng.
22	Cao Minh Tâm	8,0	8,0	9,0			7,0	6,0	7,1	Học khá, có cố gắng.
23	Nguyễn Minh Tâm	8,0	9,0	8,0			7,0	7,3	7,6	Học khá, có cố gắng.
24	Nguyễn Thành Tân	10,0	8,0	10,0			7,0	8,5	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
25	Trương Quốc Thái	7,0	8,0	9,0			7,3	7,5	7,6	Học khá, có cố gắng.
26	Ung Thị Như Thảo	9,0	9,0	8,0			8,0	9,0	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
27	Trần Quốc Thắng	7,0	10,0	8,0			7,3	6,3	7,3	Học khá, có cố gắng.
28	Nguyễn Hoài Thiện	9,0	9,0	8,0			7,0	7,0	7,6	Học khá, có cố gắng.
29	Lê Gia Thịnh	7,0	8,0	9,0			7,0	8,0	7,8	Học khá, có cố gắng.
30	Trần Chánh Tín	7,0	8,0	9,0			7,0	8,0	7,8	Học khá, có cố gắng.
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	9,0	8,0	9,0			8,0	5,5	7,3	Học khá, có cố gắng.
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	9,0	9,0	9,0			8,0	6,0	7,6	Học khá, có cố gắng.
33	Nguyễn Minh Trung	9,0	9,0	10,0			7,5	8,0	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	9,0	9,0	8,0			7,0	8,5	8,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
35	Nguyễn Thái Tuấn	7,0	8,0	9,0			7,0	6,3	7,1	Học khá, có cố gắng.
36	Nguyễn Thị Yến Vi	9,0	8,0	9,0			7,0	8,0	8,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
37	Nguyễn Hữu Vinh	8,0	9,0	9,0			7,0	6,0	7,3	Học khá, có cố gắng.
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	9,0	9,0	9,0			8,5	6,3	7,9	Học khá, có cố gắng.
39	Nguyễn Trường Phương Vy	7,0	10,0	8,0			7,3	7,5	7,8	Học khá, có cố gắng.
40	Nguyễn Thị Yến Vy	9,0	9,0	9,0			7,5	7,0	7,9	Học khá, có cố gắng.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lệ Huyền

HỌC KỲ I
Ngoại ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Thị Kim Anh	10,0	9,5	8,0	8,5		5,5	7,0	7,6	Học khá, ngoan.
2	Châu Hoài Bảo	9,0	9,0	8,0	8,5		4,5	4,6	6,4	Cần cố gắng hơn
3	Trần Thanh Bảo	10,0	5,5	5,0	9,0		7,5	7,0	7,3	Học khá, ngoan.
4	Trương Thanh Bình	8,0	5,0	5,0	8,5		5,3	6,0	6,1	Cần cố gắng hơn
5	Nguyễn Chí Dũng	9,0	8,0	5,0	8,0		5,8	7,9	7,3	Học khá, ngoan.
6	Tô Tấn Đức	10,0	9,5	9,0	8,0		6,3	8,2	8,2	Học tốt, ngoan.
7	Phan Văn Hậu	9,0	8,0	6,0	9,0		6,8	7,4	7,5	Học khá, ngoan.
8	Trần Phước Hiệp	9,0	6,5	7,0	8,5		5,3	8,6	7,5	Học khá, ngoan.
9	Phạm Trần Tuấn Khang	10,0	9,0	8,0	8,0		6,5	9,2	8,4	Học tốt, ngoan.
10	Huỳnh Quốc Khánh	10,0	8,5	8,0	9,0		7,0	5,2	7,2	Học khá, ngoan.
11	Nguyễn Đăng Khoa	10,0	8,0	8,0	9,0		8,3	8,6	8,6	Học giỏi, chăm ngoan
12	Phạm Anh Khôi	9,0	9,5	8,0	9,0		6,5	8,0	8,1	Học tốt, ngoan.
13	Châu Tá Hoàng Khương	9,0	7,0	5,0	8,5		5,0	5,1	6,1	Cần cố gắng hơn
14	Nguyễn Minh Luân	9,0	8,5	6,0	8,0		7,5	9,2	8,2	Học tốt, ngoan.
15	Huỳnh Văn Luân	9,0	9,0	7,0	8,0		5,8	6,4	7,1	Học khá, ngoan.
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	10,0	5,0	5,0	8,5		5,5	5,6	6,3	Cần cố gắng hơn
17	Trần Thị Kiều My	10,0	8,0	8,0	8,0		8,5	9,0	8,7	Học tốt, ngoan.
18	Trần Kim Ngân	10,0	7,5	9,0	8,5		6,0	5,6	7,1	Học khá, ngoan.
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	9,0	8,5	5,0	8,5		6,0	7,9	7,4	Học khá, ngoan.
20	Châu Thị Cẩm Nhung	10,0	5,5	6,0	8,5		5,8	8,0	7,3	Học khá, ngoan.
21	Cao Thanh Phú	10,0	9,5	9,0	8,0		4,8	6,8	7,4	Học khá, ngoan.
22	Cao Minh Tâm	8,0	9,0	7,0	8,0		6,8	8,3	7,8	Học khá, ngoan.
23	Nguyễn Minh Tâm	8,0	9,5	9,0	9,0		5,3	5,5	7,0	Học khá, ngoan.
24	Nguyễn Thành Tân	9,0	7,0	8,0	9,0		7,0	7,8	7,8	Học khá, ngoan.
25	Trương Quốc Thái	8,0	9,0	8,5	9,0		8,0	7,4	8,1	Học tốt, ngoan.
26	Ung Thị Như Thảo	10,0	8,0	8,0	8,5		8,0	8,2	8,3	Học tốt, ngoan.
27	Trần Quốc Thắng	9,0	8,5	7,0	8,0		5,0	6,3	6,8	Học khá, ngoan.
28	Nguyễn Hoài Thiện	10,0	7,0	6,0	9,0		5,8	8,0	7,5	Học khá, ngoan.
29	Lê Gia Thịnh	10,0	9,0	8,0	9,0		5,0	5,8	7,0	Học khá, ngoan.
30	Trần Chánh Tín	10,0	7,0	6,0	9,0		5,5	7,1	7,1	Học khá, ngoan.
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	10,0	9,5	10,0	8,5		6,3	6,4	7,8	Học khá, ngoan.
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	9,0	9,0	9,0	8,5		6,0	7,0	7,6	Học khá, ngoan.
33	Nguyễn Minh Trung	9,0	7,0	7,0	8,0		5,3	6,4	6,8	Học khá, ngoan.
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	10,0	9,0	8,5	8,5		6,8	9,0	8,5	Học giỏi, chăm ngoan
35	Nguyễn Thái Tuấn	10,0	8,0	7,0	8,0		6,3	7,5	7,6	Học khá, ngoan.
36	Nguyễn Thị Yến Vi	10,0	7,5	7,0	9,0		6,5	7,9	7,8	Học khá, ngoan.
37	Nguyễn Hữu Vinh	9,0	9,5	9,0	8,0		5,3	5,7	7,0	Học khá, ngoan.
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	10,0	6,0	6,0	9,0		7,0	7,0	7,3	Học khá, ngoan.
39	Nguyễn Trường Phương Vy	9,0	9,5	7,0	8,5		7,5	8,0	8,1	Học tốt, ngoan.
40	Nguyễn Thị Yến Vy	10,0	8,0	7,0	8,5		6,8	7,8	7,8	Học khá, ngoan.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Thoa

Giáo Dục Quốc Phòng

Giáo Dục Quốc Phòng

STT	Họ và tên	ĐDGtx					ĐDGgk	ĐDGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Thị Kim Anh	9,0	9,0				6,5	9,0	8,3	Học tốt, chăm ngoan.
2	Châu Hoài Bảo	5,0	7,0				8,5	8,3	7,7	Học khá, có cố gắng.
3	Trần Thanh Bảo	9,0	9,0				9,0	9,5	9,2	Học tốt, chăm ngoan.
4	Trương Thanh Bình	5,0	7,0				8,0	7,8	7,3	Học khá, có cố gắng.
5	Nguyễn Chí Dũng	5,0	7,0				8,0	7,3	7,1	Học khá, có cố gắng.
6	Tô Tấn Đức	7,0	8,0				7,5	9,0	8,1	Học tốt, chăm ngoan.
7	Phan Văn Hậu	5,0	7,0				7,5	8,8	7,6	Học khá, có cố gắng.
8	Trần Phước Hiệp	9,0	9,0				6,5	8,8	8,2	Học tốt, chăm ngoan.
9	Phạm Trần Tuấn Khang	9,0	9,0				9,5	8,3	8,8	Học tốt, chăm ngoan.
10	Huỳnh Quốc Khánh	8,0	9,0				9,0	9,5	9,1	Học tốt, chăm ngoan.
11	Nguyễn Đăng Khoa	8,0	9,0				9,0	9,5	9,1	Học tốt, chăm ngoan.
12	Phạm Anh Khôi	8,0	9,0				6,0	9,5	8,2	Học tốt, chăm ngoan.
13	Châu Tá Hoàng Khương	5,0	7,0				8,5	8,8	7,9	Học khá, có cố gắng.
14	Nguyễn Minh Luân	5,0	7,0				7,0	8,0	7,1	Học khá, có cố gắng.
15	Huỳnh Văn Luân	5,0	7,0				8,0	9,0	7,9	Học khá, có cố gắng.
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	5,0	7,0				6,5	9,5	7,6	Học khá, có cố gắng.
17	Trần Thị Kiều My	9,0	8,0				6,3	8,8	8,0	Học tốt, chăm ngoan.
18	Trần Kim Ngân	9,0	9,0				7,0	9,0	8,4	Học tốt, chăm ngoan.
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	8,0	8,0				8,0	9,3	8,6	Học tốt, chăm ngoan.
20	Châu Thị Cẩm Nhung	9,0	9,0				5,0	9,5	8,1	Học tốt, chăm ngoan.
21	Cao Thanh Phú	9,0	9,0				8,0	9,5	8,9	Học tốt, chăm ngoan.
22	Cao Minh Tâm	5,0	7,0				6,5	8,5	7,2	Học khá, có cố gắng.
23	Nguyễn Minh Tâm	8,0	8,0				8,0	9,5	8,6	Học tốt, chăm ngoan.
24	Nguyễn Thành Tân	7,0	8,0				6,0	8,8	7,6	Học khá, có cố gắng.
25	Trương Quốc Thái	8,0	8,0				9,0	8,8	8,6	Học tốt, chăm ngoan.
26	Ung Thị Như Thảo	9,0	9,0				7,0	9,3	8,6	Học tốt, chăm ngoan.
27	Trần Quốc Thắng	8,0	8,0				6,5	9,3	8,1	Học tốt, chăm ngoan.
28	Nguyễn Hoài Thiện	7,0	8,0				8,0	9,5	8,5	Học tốt, chăm ngoan.
29	Lê Gia Thịnh	8,0	8,0				8,0	8,8	8,3	Học tốt, chăm ngoan.
30	Trần Chánh Tín	8,0	8,0				9,0	8,8	8,6	Học tốt, chăm ngoan.
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	9,0	9,0				6,0	9,0	8,1	Học tốt, chăm ngoan.
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	5,0	8,0				10,0	9,3	8,7	Học tốt, chăm ngoan.
33	Nguyễn Minh Trung	5,0	8,0				9,5	8,3	8,1	Học tốt, chăm ngoan.
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	9,0	9,0				9,5	8,8	9,1	Học tốt, chăm ngoan.
35	Nguyễn Thái Tuấn	8,0	8,0				6,0	8,8	7,8	Học khá, có cố gắng.
36	Nguyễn Thị Yến Vi	8,0	8,0				7,0	9,0	8,1	Học tốt, chăm ngoan.
37	Nguyễn Hữu Vinh	5,0	8,0				7,5	7,0	7,0	Học khá, có cố gắng.
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	7,0	8,0				7,5	9,5	8,4	Học tốt, chăm ngoan.
39	Nguyễn Trường Phương Vy	9,0	9,0				9,0	8,3	8,7	Học tốt, chăm ngoan.
40	Nguyễn Thị Yến Vy	7,0	8,0				8,5	9,5	8,6	Học tốt, chăm ngoan.

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn En

HỌC KỲ I

Công nghệ Lâm Nghiệp - Thủy Sản (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Thị Kim Anh	9,0	10,0	10,0			8,6	7,9	8,7	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
2	Châu Hoài Bảo	9,0	9,0	10,0			7,8	8,1	8,5	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
3	Trần Thanh Bảo	9,0	10,0	10,0			8,6	8,1	8,8	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
4	Trương Thanh Bình	9,0	8,0	8,0			7,9	8,1	8,1	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
5	Nguyễn Chí Dũng	9,0	8,0	9,0			7,9	8,5	8,4	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
6	Tô Tấn Đức	9,0	10,0	10,0			9,0	8,5	9,1	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
7	Phan Văn Hậu	9,0	9,0	10,0			8,3	8,9	8,9	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
8	Trần Phước Hiệp	9,0	9,0	9,0			8,6	8,9	8,9	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
9	Phạm Trần Tuấn Khang	9,0	10,0	10,0			8,3	10,0	9,5	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
10	Huỳnh Quốc Khánh	9,0	9,0	10,0			8,5	7,2	8,3	Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
11	Nguyễn Đăng Khoa	9,0	10,0	10,0			8,7	7,3	8,5	Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
12	Phạm Anh Khôi	9,0	8,0	10,0			7,8	6,9	7,9	Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
13	Châu Tá Hoàng Khương	9,0	8,0	10,0			9,1	7,1	8,3	Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
14	Nguyễn Minh Luân	9,0	9,0	9,0			8,7	8,9	8,9	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
15	Huỳnh Văn Luân	9,0	8,0	10,0			7,9	8,9	8,7	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	9,0	10,0	10,0			8,2	8,9	9,0	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
17	Trần Thị Kiều My	9,0	10,0	10,0			7,5	9,7	9,1	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
18	Trần Kim Ngân	9,0	10,0	10,0			7,5	8,6	8,7	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	9,0	9,0	10,0			7,5	9,2	8,8	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
20	Châu Thị Cẩm Nhung	9,0	10,0	10,0			7,8	9,7	9,2	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
21	Cao Thanh Phú	9,0	10,0	10,0			8,2	8,9	9,0	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
22	Cao Minh Tâm	9,0	9,0	8,0			8,3	7,3	8,1	Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
23	Nguyễn Minh Tâm	9,0	10,0	10,0			8,7	8,9	9,1	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
24	Nguyễn Thành Tân	9,0	10,0	9,0			8,3	7,7	8,5	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
25	Trương Quốc Thái	9,0	10,0	10,0			7,8	6,5	8,0	Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
26	Ung Thị Như Thảo	9,0	10,0	10,0			8,2	7,7	8,6	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
27	Trần Quốc Thắng	9,0	9,0	10,0			8,6	8,5	8,8	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
28	Nguyễn Hoài Thiện	9,0	8,0	9,0			9,2	9,7	9,2	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
29	Lê Gia Thịnh	9,0	9,0	9,0			7,2	7,4	8,0	Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
30	Trần Chánh Tín	9,0	10,0	10,0			7,8	7,3	8,3	Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	9,0	8,0	10,0			9,0	7,3	8,4	Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	9,0	9,0	9,0			7,8	8,5	8,5	Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
33	Nguyễn Minh Trung	9,0	8,0	9,0			7,8	8,1	8,2	Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	9,0	8,0	10,0			8,6	6,5	8,0	Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
35	Nguyễn Thái Tuấn	9,0	8,0	10,0			7,5	7,3	8,0	Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
36	Nguyễn Thị Yến Vi	9,0	8,0	10,0			8,7	8,0	8,6	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
37	Nguyễn Hữu Vinh	9,0	8,0	9,0			8,3	7,6	8,2	Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	9,0	8,0	10,0			8,6	8,5	8,7	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
39	Nguyễn Trường Phương Vy	9,0	10,0	10,0			8,6	8,5	9,0	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
40	Nguyễn Thị Yến Vy	9,0	8,0	10,0			9,2	8,5	8,9	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thanh Phong

Giáo dục thể chất										
HỌC KỲ I										
(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)										
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)							Ghi Chú	
		Thường Xuyên				Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ		
1	Nguyễn Thị Kim Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
2	Châu Hoài Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
3	Trần Thanh Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
4	Trương Thanh Bình	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
5	Nguyễn Chí Dũng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
6	Tô Tấn Đức	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
7	Phan Văn Hậu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
8	Trần Phước Hiệp	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
9	Phạm Trần Tuấn Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
10	Huỳnh Quốc Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
11	Nguyễn Đăng Khoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
12	Phạm Anh Khôi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
13	Châu Tá Hoàng Khương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
14	Nguyễn Minh Luân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
15	Huỳnh Văn Luân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
17	Trần Thị Kiều My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
18	Trần Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
20	Châu Thị Cẩm Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
21	Cao Thanh Phú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
22	Cao Minh Tâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
23	Nguyễn Minh Tâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
24	Nguyễn Thành Tân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
25	Trương Quốc Thái	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
26	Ung Thị Như Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
27	Trần Quốc Thắng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
28	Nguyễn Hoài Thiện	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
29	Lê Gia Thịnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
30	Trần Chánh Tín	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
33	Nguyễn Minh Trung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
35	Nguyễn Thái Tuấn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
36	Nguyễn Thị Yến Vi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
37	Nguyễn Hữu Vinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
39	Nguyễn Trường Phương Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
40	Nguyễn Thị Yến Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn En

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

trang 28/48

HĐTrN-HN
HỌC KỲ I

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhân xét)

STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)								Ghi Chú
		Thường Xuyên				Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ		
1	Nguyễn Thị Kim Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, hoạt động tích cực.
2	Châu Hoài Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học đạt, cần cố gắng hoạt động tích cực hơn.
3	Trần Thanh Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học tốt.
4	Trương Thanh Bình	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học đạt, cần cố gắng hoạt động tích cực hơn.
5	Nguyễn Chí Dũng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, có cố gắng.
6	Tô Tấn Đức	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, có cố gắng.
7	Phan Văn Hậu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học đạt, cần tích cực hơn.
8	Trần Phước Hiệp	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học khá.
9	Phạm Trần Tuấn Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học tốt.
10	Huỳnh Quốc Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, có cố gắng.
11	Nguyễn Đăng Khoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học tập tích cực.
12	Phạm Anh Khôi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng.
13	Châu Tá Hoàng Khương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học đạt, cố gắng hoạt động hơn.
14	Nguyễn Minh Luân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học đạt, cố gắng hoạt động hơn.
15	Huỳnh Văn Luân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng.
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, tích cực trong hoạt động.
17	Trần Thị Kiều My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, tham gia hoạt động tích cực.
18	Trần Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, tham gia hoạt động tích cực.
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, tham gia hoạt động tích cực.
20	Châu Thị Cẩm Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, có cố gắng.
21	Cao Thanh Phú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, có cố gắng.
22	Cao Minh Tâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học đạt, cần cố gắng tham gia hoạt động.
23	Nguyễn Minh Tâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, tích cực tham gia hoạt động.
24	Nguyễn Thành Tân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, có cố gắng.
25	Trương Quốc Thái	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, có cố gắng.
26	Ung Thị Như Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, hoạt động tích cực.
27	Trần Quốc Thắng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, có cố gắng.
28	Nguyễn Hoài Thiện	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, có cố gắng.
29	Lê Gia Thịnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, có cố gắng.
30	Trần Chánh Tín	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng.
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, hoạt động tích cực.
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, có cố gắng.
33	Nguyễn Minh Trung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, có cố gắng.
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, hoạt động tích cực.
35	Nguyễn Thái Tuấn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, có cố gắng.
36	Nguyễn Thị Yến Vi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, tham gia hoạt động tốt.
37	Nguyễn Hữu Vinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học đạt, cần cố gắng hoạt động tích cực hơn.
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, hoạt động tốt.
39	Nguyễn Trường Phương Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, hoạt động tích cực.
40	Nguyễn Thị Yến Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, tham gia hoạt động tốt.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

TỔNG HỢP HỌC KỲ I

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Công nghệ Lâm Nghiep -		
1	Nguyễn Thị Kim Anh	Đ	Đ	Đ	8,2	8,1	8,8	8,0	7,6	7,8	7,6	8,3	8,7	T	T
2	Châu Hoài Bảo	Đ	Đ	Đ	7,6	6,7	9,1	8,4	7,1	7,0	6,4	7,7	8,5	K	T
3	Trần Thanh Bảo	Đ	Đ	Đ	9,0	9,2	9,9	7,7	9,2	7,8	7,3	9,2	8,8	T	T
4	Trương Thanh Bình	Đ	Đ	Đ	7,5	7,0	7,9	7,4	7,9	7,0	6,1	7,3	8,1	K	T
5	Nguyễn Chí Dũng	Đ	Đ	Đ	8,8	8,2	9,8	7,7	7,9	7,8	7,3	7,1	8,4	K	T
6	Tô Tấn Đức	Đ	Đ	Đ	8,9	8,6	9,8	8,6	8,2	8,4	8,2	8,1	9,1	T	T
7	Phan Văn Hậu	Đ	Đ	Đ	7,8	7,5	7,9	8,0	7,2	7,4	7,5	7,6	8,9	K	T
8	Trần Phước Hiệp	Đ	Đ	Đ	8,1	7,5	8,8	7,7	7,1	7,9	7,5	8,2	8,9	K	T
9	Phạm Trần Tuấn Khang	Đ	Đ	Đ	7,8	7,3	9,1	8,3	8,6	8,9	8,4	8,8	9,5	T	T
10	Huỳnh Quốc Khánh	Đ	Đ	Đ	8,5	8,1	9,8	7,7	8,0	7,4	7,2	9,1	8,3	T	T
11	Nguyễn Đăng Khoa	Đ	Đ	Đ	8,6	8,6	9,0	8,1	9,1	8,3	8,6	9,1	8,5	T	T
12	Phạm Anh Khôi	Đ	Đ	Đ	9,4	9,1	9,2	7,7	8,6	7,4	8,1	8,2	7,9	T	T
13	Châu Tá Hoàng Khương	Đ	Đ	Đ	8,1	6,2	7,3	7,4	7,0	7,1	6,1	7,9	8,3	K	T
14	Nguyễn Minh Luân	Đ	Đ	Đ	7,7	6,7	8,6	7,9	7,4	7,5	8,2	7,1	8,9	K	T
15	Huỳnh Văn Luân	Đ	Đ	Đ	7,8	6,8	8,0	7,3	7,1	7,0	7,1	7,9	8,7	K	T
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	Đ	Đ	Đ	7,8	7,4	9,4	7,6	7,2	7,3	6,3	7,6	9,0	K	T
17	Trần Thị Kiều My	Đ	Đ	Đ	7,9	7,2	9,4	8,6	7,6	8,4	8,7	8,0	9,1	T	T
18	Trần Kim Ngân	Đ	Đ	Đ	8,4	7,6	9,6	8,4	7,9	8,1	7,1	8,4	8,7	T	T
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	Đ	Đ	Đ	8,6	7,2	9,4	8,5	8,3	8,8	7,4	8,6	8,8	T	T
20	Châu Thị Cẩm Nhung	Đ	Đ	Đ	8,0	7,3	8,3	7,4	7,4	7,6	7,3	8,1	9,2	K	T
21	Cao Thanh Phú	Đ	Đ	Đ	7,7	6,8	9,8	8,0	7,9	7,4	7,4	8,9	9,0	K	T
22	Cao Minh Tâm	Đ	Đ	Đ	7,8	6,9	9,5	7,9	7,3	7,1	7,8	7,2	8,1	K	T
23	Nguyễn Minh Tâm	Đ	Đ	Đ	8,5	8,9	8,3	8,3	8,2	7,6	7,0	8,6	9,1	T	T
24	Nguyễn Thành Tân	Đ	Đ	Đ	8,2	7,1	7,9	8,0	8,9	8,4	7,8	7,6	8,5	K	T
25	Trương Quốc Thái	Đ	Đ	Đ	8,1	7,9	8,8	7,6	8,7	7,6	8,1	8,6	8,0	T	T
26	Ung Thị Như Thảo	Đ	Đ	Đ	8,5	7,8	9,8	8,9	8,0	8,6	8,3	8,6	8,6	T	T
27	Trần Quốc Thắng	Đ	Đ	Đ	8,1	7,7	9,6	8,1	8,4	7,3	6,8	8,1	8,8	T	T
28	Nguyễn Hoài Thiện	Đ	Đ	Đ	8,8	7,8	8,9	8,5	8,0	7,6	7,5	8,5	9,2	T	T
29	Lê Gia Thịnh	Đ	Đ	Đ	8,1	7,0	9,7	8,0	8,3	7,8	7,0	8,3	8,0	T	T
30	Trần Chánh Tín	Đ	Đ	Đ	7,8	7,0	8,9	7,6	7,1	7,8	7,1	8,6	8,3	K	T
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	Đ	Đ	Đ	8,0	7,4	8,6	7,9	7,1	7,3	7,8	8,1	8,4	K	T
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	Đ	Đ	Đ	7,9	7,7	9,1	8,2	7,5	7,6	7,6	8,7	8,5	K	T
33	Nguyễn Minh Trung	Đ	Đ	Đ	7,8	7,0	9,8	7,8	7,7	8,4	6,8	8,1	8,2	K	T
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	Đ	Đ	Đ	8,3	7,6	9,7	8,0	7,6	8,2	8,5	9,1	8,0	T	T
35	Nguyễn Thái Tuấn	Đ	Đ	Đ	7,8	6,7	8,0	7,4	7,6	7,1	7,6	7,8	8,0	K	T
36	Nguyễn Thị Yến Vi	Đ	Đ	Đ	8,1	7,4	9,8	8,1	8,4	8,0	7,8	8,1	8,6	T	T
37	Nguyễn Hữu Vinh	Đ	Đ	Đ	8,2	7,9	9,6	7,7	7,1	7,3	7,0	7,0	8,2	K	T
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	Đ	Đ	Đ	8,4	8,3	9,8	8,4	8,8	7,9	7,3	8,4	8,7	T	T
39	Nguyễn Trường Phương Vy	Đ	Đ	Đ	7,9	7,6	9,2	8,3	7,4	7,8	8,1	8,7	9,0	K	T
40	Nguyễn Thị Yến Vy	Đ	Đ	Đ	8,0	7,2	9,1	8,3	8,3	7,9	7,8	8,6	8,9	T	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Huỳnh Thanh Nhân

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ II

HỌC KỲ II

Toán (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Thị Kim Anh	10,0	9,0	10,0	10,0	10,0	7,2	7,0	8,4	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
2	Châu Hoài Bảo	9,0	10,0	10,0	10,0	10,0	8,5	8,8	9,2	8.7			Học giỏi, có sự tiến bộ
3	Trần Thanh Bảo	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	8,8	8,0	9,2	9.1			Học giỏi, chăm ngoan
4	Trương Thanh Bình	8,0	10,0	10,0	10,0	10,0	8,5	8,8	9,1	8.6			Học giỏi, chăm ngoan
5	Nguyễn Chí Dũng	9,0	9,0	10,0	10,0	9,0	7,0	8,8	8,7	8.7			Học giỏi, chăm ngoan
6	Tô Tấn Đức	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	7,0	7,0	8,5	8.6			Học giỏi, chăm ngoan
7	Phan Văn Hậu	9,0	9,0	10,0	9,0	10,0	7,3	7,5	8,4	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
8	Trần Phước Hiệp	10,0	10,0	10,0	10,0	9,0	7,0	6,8	8,3	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
9	Phạm Trần Tuấn Khang	9,0	10,0	9,0	9,0	10,0	7,3	6,8	8,2	8.1			Học giỏi, chăm ngoan
10	Huỳnh Quốc Khánh	10,0	10,0	10,0	9,0	10,0	6,0	7,8	8,4	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
11	Nguyễn Đăng Khoa	10,0	9,0	10,0	10,0	10,0	7,0	7,0	8,4	8.5			Học giỏi, chăm ngoan
12	Phạm Anh Khôi	10,0	9,0	10,0	10,0	10,0	7,0	7,8	8,6	8.9			Học giỏi, chăm ngoan
13	Châu Tả Hoàng Khương	8,0	9,0	9,0	10,0	10,0	7,0	7,8	8,3	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
14	Nguyễn Minh Luân	8,0	10,0	9,0	9,0	10,0	7,5	7,8	8,4	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
15	Huỳnh Văn Luân	8,0	10,0	10,0	9,0	10,0	7,0	7,8	8,4	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	9,0	10,0	10,0	10,0	10,0	8,5	8,8	9,2	8.7			Học giỏi, chăm ngoan
17	Trần Thị Kiều My	9,0	10,0	9,0	10,0	9,0	8,3	6,8	8,4	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
18	Trần Kim Ngân	10,0	9,0	10,0	10,0	10,0	6,5	6,8	8,2	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	10,0	9,0	10,0	10,0	10,0	7,3	7,0	8,5	8.5			Học giỏi, chăm ngoan
20	Châu Thị Cẩm Nhung	10,0	9,0	10,0	10,0	10,0	6,5	7,0	8,3	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
21	Cao Thanh Phú	9,0	9,0	10,0	10,0	10,0	7,0	7,3	8,4	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
22	Cao Minh Tâm	9,0	9,0	10,0	10,0	9,0	7,0	8,0	8,5	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
23	Nguyễn Minh Tâm	10,0	10,0	10,0	9,0	10,0	6,8	6,5	8,2	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
24	Nguyễn Thành Tân	9,0	9,0	9,0	10,0	9,0	6,0	7,8	8,1	8.1			Học giỏi, chăm ngoan
25	Trương Quốc Thái	10,0	9,0	10,0	10,0	9,0	6,0	6,5	8,0	8.0			Học giỏi, chăm ngoan
26	Ung Thị Như Thảo	9,0	9,0	10,0	8,0	10,0	7,5	6,8	8,1	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
27	Trần Quốc Thắng	9,0	9,0	10,0	10,0	10,0	9,3	6,5	8,6	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
28	Nguyễn Hoài Thiện	10,0	9,0	9,0	9,0	9,0	8,8	8,0	8,8	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
29	Lê Gia Thịnh	9,0	8,0	9,0	10,0	9,0	7,0	7,0	8,0	8.0			Học giỏi, chăm ngoan
30	Trần Chánh Tín	9,0	9,0	10,0	9,0	9,0	7,0	8,0	8,4	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	9,0	9,0	10,0	9,0	9,0	7,3	7,5	8,3	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	9,0	9,0	8,0	10,0	9,0	7,0	7,3	8,1	8.0			Học giỏi, chăm ngoan
33	Nguyễn Minh Trung	9,0	9,0	9,0	10,0	9,0	7,5	6,8	8,1	8.0			Học giỏi, chăm ngoan
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	8,3	7,0	8,8	8.6			Học giỏi, chăm ngoan
35	Nguyễn Thái Tuấn	9,0	10,0	10,0	10,0	10,0	8,8	8,8	9,3	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
36	Nguyễn Thị Yến Vi	9,0	9,0	9,0	10,0	9,0	8,0	9,3	9,0	8.7			Học giỏi, chăm ngoan
37	Nguyễn Hữu Vinh	10,0	10,0	9,0	10,0	9,0	9,8	7,5	9,0	8.7			Học giỏi, chăm ngoan
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	9,0	9,0	10,0	9,0	10,0	7,8	8,0	8,7	8.6			Học giỏi, chăm ngoan
39	Nguyễn Trường Phương Vy	9,0	9,0	9,0	9,0	10,0	7,2	7,3	8,2	8.1			Học giỏi, chăm ngoan
40	Nguyễn Thị Yến Vy	9,0	9,0	10,0	9,0	10,0	8,0	9,8	9,2	8.8			Học giỏi, chăm ngoan

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Huỳnh Thanh Nhân

HỌC KỲ II Vật lý (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Thị Kim Anh	10,0	9,0	9,0			8,3	8,0	8,6	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
2	Châu Hoài Bảo	10,0	8,0	8,0			8,8	8,3	8,6	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
3	Trần Thanh Bảo	10,0	9,0	9,0			9,8	9,8	9,6	9.5			Học tốt, chăm ngoan, tích cực.
4	Trương Thanh Bình	10,0	10,0	8,0			8,0	8,0	8,5	8.0			Học khá, chăm ngoan.
5	Nguyễn Chí Dũng	10,0	9,0	9,0			9,3	8,8	9,1	8.8			Học tốt, chăm ngoan, tích cực.
6	Tô Tân Đức	10,0	10,0	9,0			9,0	8,8	9,2	9.0			Học tốt, chăm ngoan, tích cực
7	Phan Văn Hậu	8,0	8,0	8,0			8,0	8,5	8,2	8.0			Học khá, chăm ngoan.
8	Trần Phước Hiệp	9,0	8,0	8,0			8,8	8,8	8,6	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
9	Phạm Trần Tuấn Khang	9,0	10,0	10,0			8,5	8,5	8,9	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
10	Huỳnh Quốc Khánh	10,0	9,0	9,0			9,0	9,0	9,1	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
11	Nguyễn Đăng Khoa	10,0	9,0	10,0			9,5	9,3	9,5	9.2			Học tốt, chăm ngoan, tích cực.
12	Phạm Anh Khôi	10,0	10,0	10,0			9,3	9,3	9,6	9.4			Học tốt, chăm ngoan, tích cực.
13	Châu Tả Hoàng Khương	10,0	10,0	9,0			8,0	7,8	8,6	7.8			Học tốt, chăm ngoan.
14	Nguyễn Minh Luân	10,0	10,0	8,0			8,8	7,8	8,6	8.0			Học khá, chăm ngoan.
15	Huỳnh Văn Luân	10,0	8,0	8,0			8,3	8,8	8,6	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	10,0	8,0	8,0			8,5	8,5	8,6	8.2			Học khá, chăm ngoan.
17	Trần Thị Kiều My	10,0	8,0	8,0			8,5	8,5	8,6	8.1			Học tốt, chăm ngoan.
18	Trần Kim Ngân	10,0	10,0	10,0			8,8	9,0	9,3	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	9,0	9,0	8,0			8,8	8,8	8,8	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
20	Châu Thị Cẩm Nhung	10,0	9,0	9,0			8,5	8,3	8,7	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
21	Cao Thanh Phú	10,0	9,0	9,0			8,3	8,8	8,9	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
22	Cao Minh Tâm	10,0	9,0	9,0			8,0	8,0	8,5	8.0			Học khá, chăm ngoan.
23	Nguyễn Minh Tâm	10,0	9,0	9,0			8,3	8,8	8,9	8.9			Học tốt, chăm ngoan.
24	Nguyễn Thành Tân	9,0	8,0	8,0			8,0	8,8	8,4	8.0			Học khá, chăm ngoan.
25	Trương Quốc Thái	9,0	8,0	8,0			8,5	8,8	8,6	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
26	Ung Thị Như Thảo	10,0	8,0	9,0			9,0	9,0	9,0	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
27	Trần Quốc Thắng	10,0	9,0	9,0			8,8	8,8	9,0	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
28	Nguyễn Hoài Thiện	10,0	8,0	8,0			8,8	8,5	8,6	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
29	Lê Gia Thịnh	10,0	8,0	8,0			8,5	8,5	8,6	8.1			Học khá, chăm ngoan.
30	Trần Chánh Tín	10,0	8,0	8,0			8,3	8,5	8,5	8.0			Học khá, chăm ngoan.
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	9,0	10,0	9,0			8,5	8,5	8,8	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	9,0	8,0	8,0			8,3	8,5	8,4	8.2			Học khá, chăm ngoan.
33	Nguyễn Minh Trung	10,0	9,0	8,0			8,3	8,0	8,5	8.0			Học khá, chăm ngoan.
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	10,0	10,0	9,0			8,8	9,0	9,2	8.7			Học tốt, chăm ngoan, tích cực.
35	Nguyễn Thái Tuấn	9,0	10,0	8,0			8,3	8,3	8,6	8.0			Học khá, chăm ngoan.
36	Nguyễn Thị Yến Vi	9,0	10,0	8,0			8,0	7,8	8,3	8.0			Học khá, chăm ngoan.
37	Nguyễn Hữu Vinh	9,0	9,0	9,0			8,8	8,8	8,9	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	9,0	9,0	9,0			8,3	8,5	8,6	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
39	Nguyễn Trường Phương Vy	9,0	9,0	8,0			8,0	8,5	8,4	8.1			Học tốt, chăm ngoan.
40	Nguyễn Thị Yến Vy	9,0	9,0	9,0			8,0	8,5	8,6	8.1			Học tốt, chăm ngoan.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

Học kỳ II

Hóa học		(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Thị Kim Anh	8,0	9,0	9,0	9,0		9,5	9,0	9,0	8.9			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
2	Châu Hoài Bảo	9,0	10,0	8,0	9,0		9,5	9,0	9,1	9.1			Học giỏi, chăm ngoan
3	Trần Thanh Bảo	9,0	10,0	9,0	10,0		10,0	10,0	9,8	9.8			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
4	Trương Thanh Bình	9,0	9,0	10,0	9,0		8,5	8,0	8,7	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
5	Nguyễn Chí Dũng	9,0	10,0	8,0	10,0		9,5	9,8	9,5	9.6			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
6	Tô Tân Đức	9,0	10,0	8,0	10,0		10,0	9,8	9,6	9.7			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
7	Phan Văn Hậu	8,0	8,0	9,0	9,0		8,0	9,3	8,7	8.4			Học khá, cần cố gắng hơn
8	Trần Phước Hiệp	8,0	9,0	8,0	9,0		9,5	8,8	8,8	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
9	Phạm Trần Tuấn Khang	8,0	9,0	8,0	9,0		9,0	8,0	8,4	8.6			Học giỏi, chăm ngoan
10	Huỳnh Quốc Khánh	9,0	10,0	9,0	10,0		10,0	10,0	9,8	9.8			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
11	Nguyễn Đăng Khoa	8,0	9,0	9,0	9,0		9,5	8,8	8,9	8.9			Học giỏi, chăm ngoan
12	Phạm Anh Khôi	8,0	9,0	8,0	9,0		9,8	9,5	9,1	9.1			Học giỏi, chăm ngoan
13	Châu Tả Hoàng Khương	8,0	8,0	9,0	9,0		8,8	8,0	8,4	8.0			Học giỏi, chăm ngoan
14	Nguyễn Minh Luân	8,0	9,0	8,0	9,0		9,8	9,0	9,0	8.9			Học giỏi, chăm ngoan
15	Huỳnh Văn Luân	8,0	9,0	9,0	9,0		8,5	8,0	8,4	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	9,0	10,0	9,0	9,0		9,5	9,5	9,4	9.4			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
17	Trần Thị Kiều My	8,0	9,0	8,0	9,0		9,5	8,8	8,8	9.0			Học giỏi, chăm ngoan
18	Trần Kim Ngân	9,0	10,0	8,0	10,0		9,5	9,8	9,5	9.5			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	8,0	9,0	9,0	9,0		9,0	8,0	8,6	8.9			Học giỏi, chăm ngoan
20	Châu Thị Cẩm Nhung	8,0	8,0	9,0	9,0		8,5	9,0	8,7	8.6			Học giỏi, chăm ngoan
21	Cao Thanh Phú	9,0	10,0	8,0	9,0		9,5	9,0	9,1	9.3			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
22	Cao Minh Tâm	9,0	10,0	8,0	9,0		9,5	9,0	9,1	9.2			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
23	Nguyễn Minh Tâm	8,0	9,0	8,0	9,0		9,8	9,3	9,1	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
24	Nguyễn Thành Tân	8,0	8,0	9,0	8,0		8,5	8,0	8,2	8.1			Học khá, cần cố gắng hơn
25	Trương Quốc Thái	8,0	9,0	9,0	9,0		9,5	8,0	8,7	8.7			Học giỏi, chăm ngoan
26	Ung Thị Như Thảo	9,0	10,0	8,0	10,0		10,0	9,5	9,5	9.6			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
27	Trần Quốc Thắng	9,0	10,0	9,0	10,0		9,8	10,0	9,7	9.7			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
28	Nguyễn Hoài Thiện	8,0	10,0	9,0	10,0		9,8	10,0	9,6	9.4			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
29	Lê Gia Thịnh	9,0	10,0	8,0	10,0		9,8	9,8	9,6	9.6			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
30	Trần Chánh Tín	8,0	8,0	9,0	8,0		9,0	8,0	8,3	8.5			Học khá, cần cố gắng hơn
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	9,0	10,0	8,0	10,0		10,0	9,8	9,6	9.3			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	8,0	9,0	8,0	9,0		10,0	8,0	8,7	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
33	Nguyễn Minh Trung	9,0	10,0	8,0	10,0		10,0	9,8	9,6	9.7			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	9,0	10,0	8,0	10,0		9,8	10,0	9,6	9.6			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
35	Nguyễn Thái Tuấn	8,0	8,0	9,0	8,0		8,0	8,0	8,1	8.1			Học khá, cần cố gắng hơn
36	Nguyễn Thị Yến Vi	9,0	10,0	8,0	10,0		9,8	9,8	9,6	9.7			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
37	Nguyễn Hữu Vinh	9,0	10,0	8,0	10,0		9,8	10,0	9,6	9.6			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	9,0	10,0	8,0	10,0		9,8	9,8	9,6	9.7			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
39	Nguyễn Trường Phương Vy	8,0	9,0	8,0	9,0		9,8	8,0	8,6	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
40	Nguyễn Thị Yến Vy	8,0	8,0	8,0	9,0		9,0	8,0	8,3	8.6			Học giỏi, chăm ngoan

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hữu Tân

Sinh học HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Thị Kim Anh	9,0	10,0	10,0	9,0		8,5	8,3	8,9	8.6			Chăm ngoan, học tốt.
2	Châu Hoài Bảo	9,0	8,0	7,0	8,0		8,0	8,8	8,3	8.3			Chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập.
3	Trần Thanh Bảo	10,0	10,0	10,0	9,0		9,5	8,8	9,4	8.8			Chăm ngoan, học tốt.
4	Trương Thanh Bình	9,0	9,0	9,0	8,0		8,0	9,0	8,7	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
5	Nguyễn Chí Dũng	9,0	8,0	8,0	9,0		8,0	9,0	8,6	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
6	Tô Tân Đức	8,0	9,0	8,0	9,0		7,8	8,8	8,4	8.5			Chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập.
7	Phan Văn Hậu	8,0	9,0	9,0	9,0		8,0	8,5	8,5	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
8	Trần Phước Hiệp	9,0	8,0	9,0	8,0		9,3	8,5	8,7	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
9	Phạm Trần Tuấn Khang	10,0	10,0	10,0	9,0		8,8	9,3	9,4	9.0			Chăm ngoan, học tốt.
10	Huỳnh Quốc Khánh	9,0	9,0	9,0	8,0		8,3	9,0	8,7	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
11	Nguyễn Đăng Khoa	10,0	8,0	10,0	9,0		9,3	9,3	9,3	8.9			Chăm ngoan, học tốt.
12	Phạm Anh Khôi	10,0	8,0	8,0	9,0		7,8	8,8	8,6	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
13	Châu Tả Hoàng Khương	9,0	8,0	9,0	8,0		8,5	9,0	8,7	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
14	Nguyễn Minh Luân	9,0	10,0	9,0	8,0		7,0	9,0	8,6	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
15	Huỳnh Văn Luân	9,0	8,0	9,0	9,0		8,8	8,8	8,8	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	9,0	10,0	9,0	8,0		7,5	8,8	8,6	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
17	Trần Thị Kiều My	9,0	9,0	10,0	9,0		9,8	8,5	9,1	8.9			Chăm ngoan, học tốt.
18	Trần Kim Ngân	10,0	9,0	10,0	9,0		9,0	8,8	9,2	8.9			Chăm ngoan, học tốt.
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	9,0	8,0	10,0	8,0		10,0	8,0	8,8	8.7			Chăm ngoan, học tốt.
20	Châu Thị Cẩm Nhung	9,0	9,0	10,0	9,0		8,8	8,5	8,9	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
21	Cao Thanh Phú	7,0	10,0	10,0	9,0		8,5	9,0	8,9	8.6			Chăm ngoan, học tốt.
22	Cao Minh Tâm	9,0	8,0	9,0	9,0		7,0	9,3	8,5	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
23	Nguyễn Minh Tâm	8,0	10,0	9,0	9,0		8,3	8,3	8,6	8.5			Chăm ngoan, học tốt.
24	Nguyễn Thành Tân	10,0	9,0	9,0	8,0		9,3	8,0	8,7	8.5			Chăm ngoan, học tốt.
25	Trương Quốc Thái	9,0	10,0	8,0	8,0		7,8	8,8	8,6	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
26	Ung Thị Như Thảo	8,0	8,0	10,0	9,0		9,5	8,8	8,9	8.9			Chăm ngoan, học tốt.
27	Trần Quốc Thắng	9,0	10,0	8,0	10,0		6,5	8,8	8,5	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
28	Nguyễn Hoài Thiện	8,0	9,0	7,0	8,0		8,0	9,0	8,3	8.4			Chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập.
29	Lê Gia Thịnh	9,0	9,0	9,0	8,0		7,8	8,5	8,5	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
30	Trần Chánh Tín	9,0	9,0	10,0	8,0		7,8	8,8	8,7	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	8,0	8,0	10,0	9,0		7,3	9,0	8,5	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	8,0	9,0	9,0	9,0		6,8	9,0	8,4	8.3			Chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập.
33	Nguyễn Minh Trung	8,0	8,0	9,0	9,0		7,8	9,0	8,5	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	10,0	10,0	9,0	10,0		8,8	7,0	8,6	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
35	Nguyễn Thái Tuấn	9,0	8,0	10,0	8,0		7,8	8,8	8,6	8.2			Chăm ngoan, học tốt.
36	Nguyễn Thị Yến Vi	8,0	10,0	9,0	9,0		7,5	8,8	8,6	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
37	Nguyễn Hữu Vinh	8,0	8,0	9,0	8,0		8,5	9,0	8,6	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	10,0	8,0	10,0	9,0		7,8	8,8	8,8	8.7			Chăm ngoan, học tốt.
39	Nguyễn Trường Phương Vy	9,0	10,0	10,0	9,0		9,3	8,3	9,1	8.8			Chăm ngoan, học tốt.
40	Nguyễn Thị Yến Vy	9,0	10,0	9,0	8,0		8,8	8,8	8,9	8.7			Chăm ngoan, học tốt.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Thị Đông Tràng

Học Kỳ II

Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)														
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú	
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn		
1	Nguyễn Thị Kim Anh	8,0	10,0	8,0	8,0		10,0	6,5	8,2	8.0			Tinh thần học tập tốt, năng động	
2	Châu Hoài Bảo	10,0	10,0	10,0	9,0		9,0	7,0	8,7	8.2			Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập	
3	Trần Thanh Bảo	10,0	10,0	9,0	9,0		10,0	8,5	9,3	9.3			Học giỏi, năng động và sáng tạo trong học tập	
4	Trương Thanh Bình	9,0	10,0	10,0	10,0		9,0	8,0	9,0	8.6			Rất ngoan, cố gắng có hiệu quả.	
5	Nguyễn Chí Dũng	8,0	10,0	8,0	7,0		10,0	8,0	8,6	8.4			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	
6	Tô Tấn Đức	10,0	10,0	10,0	10,0		10,0	8,5	9,5	9.1			Học giỏi, năng động và sáng tạo trong học tập	
7	Phan Văn Hậu	9,0	10,0	9,0	9,0		8,0	7,5	8,4	8.0			Học giỏi, chăm ngoan	
8	Trần Phước Hiệp	8,0	10,0	8,0	8,0		10,0	8,5	8,8	8.2			Rất cố gắng, đáng khen	
9	Phạm Trần Tuấn Khang	10,0	10,0	9,0	9,0		9,0	9,0	9,2	9.0			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu	
10	Huỳnh Quốc Khánh	9,0	10,0	10,0	10,0		10,0	8,5	9,4	8.9			Rất ngoan, cố gắng có hiệu quả.	
11	Nguyễn Đăng Khoa	10,0	10,0	9,0	9,0		10,0	8,5	9,3	9.2			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu	
12	Phạm Anh Khôi	10,0	10,0	10,0	10,0		10,0	8,0	9,3	9.1			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu	
13	Châu Tả Hoàng Khương	10,0	10,0	9,0	9,0		8,0	7,5	8,5	8.0			Rất cố gắng, đáng khen	
14	Nguyễn Minh Luân	8,0	10,0	7,0	8,0		9,0	9,0	8,7	8.3			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	
15	Huỳnh Văn Luân	8,0	10,0	7,0	9,0		9,0	8,0	8,4	8.0			Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập	
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	10,0	10,0	10,0	10,0		9,0	6,5	8,6	8.1			Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập	
17	Trần Thị Kiều My	8,0	10,0	8,0	6,0		10,0	8,0	8,4	8.1			Học giỏi, chăm ngoan	
18	Trần Kim Ngân	8,0	10,0	9,0	9,0		10,0	8,0	8,9	8.6			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	8,0	10,0	10,0	8,0		10,0	7,5	8,7	8.6			Rất cố gắng, đáng khen	
20	Châu Thị Cẩm Nhung	8,0	10,0	8,0	8,0		10,0	8,0	8,7	8.3			Rất cố gắng, đáng khen	
21	Cao Thanh Phú	8,0	10,0	9,0	9,0		10,0	7,5	8,7	8.4			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.	
22	Cao Minh Tâm	9,0	10,0	10,0	10,0		10,0	7,5	9,1	8.5			Rất cố gắng, đáng khen	
23	Nguyễn Minh Tâm	9,0	10,0	10,0	9,0		10,0	7,5	8,9	8.7			Rất cố gắng, đáng khen	
24	Nguyễn Thành Tân	9,0	10,0	9,0	8,0		9,0	7,5	8,5	8.6			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.	
25	Trương Quốc Thái	9,0	10,0	8,0	8,0		10,0	8,5	8,9	8.8			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	
26	Ung Thị Như Thảo	10,0	10,0	10,0	7,0		10,0	8,0	9,0	8.7			Rất ngoan, cố gắng có hiệu quả.	
27	Trần Quốc Thắng	10,0	10,0	10,0	10,0		10,0	8,0	9,3	9.0			Học giỏi, năng động và sáng tạo trong học tập	
28	Nguyễn Hoài Thiện	10,0	10,0	9,0	9,0		9,0	7,5	8,7	8.5			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	
29	Lê Gia Thịnh	9,0	10,0	9,0	9,0		9,0	8,0	8,8	8.6			Rất cố gắng, đáng khen	
30	Trần Chánh Tín	8,0	10,0	7,0	8,0		10,0	7,5	8,4	8.0			Tinh thần học tập tốt, năng động	
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	8,0	10,0	7,0	8,0		10,0	8,0	8,6	8.1			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.	
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	8,0	10,0	9,0	8,0		9,0	7,5	8,4	8.1			Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập	
33	Nguyễn Minh Trung	8,0	10,0	6,0	8,0		10,0	8,0	8,4	8.2			Học giỏi, chăm ngoan	
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	10,0	10,0	9,0	9,0		10,0	8,0	9,1	8.6			Học giỏi, năng động và sáng tạo trong học tập	
35	Nguyễn Thái Tuấn	10,0	10,0	9,0	8,0		10,0	6,5	8,5	8.2			Học giỏi, chăm ngoan	
36	Nguyễn Thị Yến Vi	8,0	10,0	7,0	9,0		10,0	8,5	8,8	8.7			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	
37	Nguyễn Hữu Vinh	10,0	10,0	8,0	9,0		10,0	7,5	8,8	8.2			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	10,0	10,0	8,0	9,0		10,0	8,5	9,2	9.1			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu	
39	Nguyễn Trường Phương Vy	10,0	10,0	8,0	10,0		10,0	8,0	9,1	8.5			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu	
40	Nguyễn Thị Yến Vy	10,0	10,0	9,0	10,0		10,0	9,0	9,6	9.2			Học giỏi, năng động và sáng tạo trong học tập	

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Võ Thị Kiều Trang

HỌC KỲ II Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Thị Kim Anh	8,0	9,0	9,0			8,0	8,0	8,3	8.1			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
2	Châu Hoài Bảo	10,0	9,0	9,0			8,3	8,3	8,7	8.1			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
3	Trần Thanh Bảo	9,0	9,0	9,0			9,5	8,8	9,1	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
4	Trương Thanh Bình	7,0	9,0	9,0			7,8	9,5	8,6	8.1			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
5	Nguyễn Chí Dũng	10,0	9,0	9,0			7,5	8,8	8,7	8.4			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
6	Tô Tân Đức	9,0	9,0	9,0			8,5	9,0	8,9	8.7			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
7	Phan Văn Hậu	10,0	9,0	9,0			8,3	9,3	9,1	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
8	Trần Phước Hiệp	7,0	9,0	9,0			8,3	8,8	8,5	8.3			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
9	Phạm Trần Tuấn Khang	10,0	9,0	9,0			7,5	9,3	8,9	8.9			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
10	Huỳnh Quốc Khánh	7,0	9,0	9,0			9,5	9,5	9,1	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
11	Nguyễn Đăng Khoa	8,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,3	9.0			Học tốt, chăm ngoan.
12	Phạm Anh Khôi	7,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,5	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
13	Châu Tả Hoàng Khương	8,0	9,0	9,0			7,0	10,0	8,8	8.2			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
14	Nguyễn Minh Luân	8,0	9,0	9,0			8,8	8,8	8,8	8.4			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
15	Huỳnh Văn Luân	8,0	9,0	9,0			7,5	8,0	8,1	7.7			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	7,0	10,0	10,0			7,8	8,0	8,3	8.0			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
17	Trần Thị Kiều My	8,0	9,0	9,0			8,8	8,0	8,5	8.5			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
18	Trần Kim Ngân	7,0	9,0	9,0			7,0	8,8	8,2	8.2			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	7,0	9,0	9,0			9,5	8,0	8,5	8.6			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
20	Châu Thị Cẩm Nhung	7,0	9,0	9,0			9,0	9,0	8,8	8.4			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
21	Cao Thanh Phú	9,0	9,0	9,0			8,5	9,8	9,2	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
22	Cao Minh Tâm	9,0	9,0	9,0			8,0	9,0	8,8	8.2			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
23	Nguyễn Minh Tâm	8,0	9,0	9,0			9,0	9,0	8,9	8.5			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
24	Nguyễn Thành Tân	8,0	9,0	9,0			9,5	8,5	8,8	8.7			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
25	Trương Quốc Thái	7,0	10,0	10,0			9,0	8,0	8,6	8.3			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
26	Ung Thị Như Thảo	8,0	9,0	9,0			8,5	9,5	8,9	8.8			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
27	Trần Quốc Thắng	7,0	9,0	9,0			9,3	9,8	9,1	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
28	Nguyễn Hoài Thiện	9,0	9,0	9,0			7,8	9,3	8,8	8.4			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
29	Lê Gia Thịnh	7,0	10,0	10,0			9,5	10,0	9,5	8.9			Học tốt, chăm ngoan.
30	Trần Chánh Tín	7,0	10,0	10,0			8,8	9,3	9,1	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	9,0	9,0	9,0			8,0	8,3	8,5	8.1			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	9,0	9,0	9,0			9,0	9,3	9,1	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
33	Nguyễn Minh Trung	7,0	10,0	10,0			8,5	8,5	8,7	8.6			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	7,0	10,0	10,0			8,8	8,5	8,8	8.6			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
35	Nguyễn Thái Tuấn	7,0	10,0	10,0			7,3	9,3	8,7	8.2			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
36	Nguyễn Thị Yến Vi	9,0	9,0	9,0			8,3	9,3	8,9	8.6			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
37	Nguyễn Hữu Vinh	9,0	9,0	9,0			8,0	9,5	8,9	8.4			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	9,0	9,0	9,0			8,5	8,8	8,8	8.5			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
39	Nguyễn Trường Phương Vy	8,0	9,0	9,0			8,5	9,3	8,9	8.5			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.
40	Nguyễn Thị Yến Vy	9,0	9,0	9,0			8,3	8,8	8,8	8.5			Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lệ Huyền

HỌC KỲ II														
Ngoại ngữ 1		(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú	
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn		
1	Nguyễn Thị Kim Anh	8,0	6,0	6,0	9,0		6,5	7,6	7,2	7.3			Học khá, tích cực phát biểu.	
2	Châu Hoài Bảo	8,0	10,0	7,0	8,0		8,3	8,2	8,2	7.6			Học tốt.	
3	Trần Thanh Bảo	10,0	6,0	8,0	8,0		8,8	9,0	8,5	8.1			Học tốt.	
4	Trương Thanh Bình	8,0	7,5	8,0	9,0		8,0	9,0	8,4	7.6			Học khá.	
5	Nguyễn Chí Dũng	8,0	10,0	8,0	7,0		7,8	8,8	8,3	8.0			Học tốt.	
6	Tô Tân Đức	8,0	10,0	9,5	8,0		8,5	8,6	8,7	8.5			Học tốt, tích cực phát biểu.	
7	Phan Văn Hậu	8,0	7,5	9,5	8,0		7,3	7,4	7,8	7.7			Học khá.	
8	Trần Phước Hiệp	8,0	6,5	7,5	8,0		8,5	8,8	8,2	8.0			Học tốt.	
9	Phạm Trần Tuấn Khang	8,0	5,5	7,0	8,0		7,8	9,2	8,0	8.1			Học tốt.	
10	Huỳnh Quốc Khánh	8,0	8,0	8,5	8,0		8,5	8,6	8,4	8.0			Học tốt, tích cực phát biểu.	
11	Nguyễn Đăng Khoa	10,0	6,0	6,0	8,0		8,0	8,4	7,9	8.1			Học khá.	
12	Phạm Anh Khôi	10,0	6,0	9,5	7,0		8,0	8,8	8,3	8.2			Học tốt.	
13	Châu Tả Hoàng Khương	9,0	10,0	7,0	8,0		7,3	8,8	8,3	7.6			Học tốt.	
14	Nguyễn Minh Luân	8,0	6,0	7,5	8,0		8,0	8,6	7,9	8.0			Học khá.	
15	Huỳnh Văn Luân	8,0	9,5	8,0	8,0		8,8	9,0	8,7	8.2			Học tốt, tích cực phát biểu.	
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	8,0	8,0	7,0	8,0		7,0	8,4	7,8	7.3			Học khá, cần cố gắng hơn.	
17	Trần Thị Kiều My	10,0	10,0	9,5	8,0		7,8	8,8	8,8	8.8			Học tốt, tích cực phát biểu.	
18	Trần Kim Ngân	8,0	6,0	7,5	7,0		7,8	9,0	7,9	7.6			Học khá.	
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	10,0	10,0	7,5	8,0		7,0	8,4	8,3	8.0			Học tốt.	
20	Châu Thị Cẩm Nhung	10,0	10,0	9,5	8,0		8,0	8,6	8,8	8.3			Học tốt, tích cực phát biểu.	
21	Cao Thanh Phú	8,0	10,0	7,5	8,0		9,3	9,6	9,0	8.5			Học tốt, tích cực phát biểu.	
22	Cao Minh Tâm	8,0	10,0	7,0	8,0		8,0	8,0	8,1	8.0			Học tốt.	
23	Nguyễn Minh Tâm	9,0	9,5	7,0	7,0		9,0	8,8	8,5	8.0			Học tốt, tích cực phát biểu.	
24	Nguyễn Thành Tân	10,0	5,0	8,5	8,0		6,5	8,4	7,7	7.7			Học khá.	
25	Trương Quốc Thái	10,0	5,0	7,5	8,0		7,0	8,8	7,9	8.0			Học khá.	
26	Ung Thị Như Thảo	9,0	10,0	7,0	8,0		8,5	7,2	8,1	8.2			Học tốt.	
27	Trần Quốc Thắng	9,0	10,0	8,5	8,0		8,5	8,2	8,6	8.0			Học tốt, tích cực phát biểu.	
28	Nguyễn Hoài Thiện	9,0	10,0	8,0	8,0		8,8	8,6	8,7	8.3			Học tốt, tích cực phát biểu.	
29	Lê Gia Thịnh	10,0	7,5	8,0	9,0		5,0	8,4	7,7	7.5			Học khá, cần cố gắng hơn.	
30	Trần Chánh Tín	10,0	7,0	9,0	10,0		7,3	8,4	8,4	8.0			Học tốt.	
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	8,0	10,0	6,5	8,0		9,3	9,4	8,8	8.5			Học tốt, tích cực phát biểu.	
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	8,0	10,0	6,0	8,0		8,5	9,2	8,5	8.2			Học tốt.	
33	Nguyễn Minh Trung	10,0	5,5	6,0	7,0		6,0	8,6	7,4	7.2			Học khá, cần cố gắng hơn.	
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	10,0	6,0	6,5	9,0		7,5	9,0	8,2	8.3			Học tốt, tích cực phát biểu.	
35	Nguyễn Thái Tuấn	9,0	6,5	9,0	8,0		6,5	8,4	7,9	7.8			Học khá.	
36	Nguyễn Thị Yến Vi	9,0	9,0	6,5	8,0		8,0	9,0	8,4	8.2			Học tốt.	
37	Nguyễn Hữu Vinh	8,0	10,0	7,5	8,0		8,8	8,4	8,5	8.0			Học tốt.	
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	10,0	9,0	9,0	8,0		7,5	8,4	8,5	8.1			Học tốt, tích cực phát biểu.	
39	Nguyễn Trường Phương Vy	9,0	7,0	6,0	8,0		7,0	7,8	7,5	7.7			Học khá, cần cố gắng hơn.	
40	Nguyễn Thị Yến Vy	10,0	10,0	9,0	8,0		8,8	8,6	8,9	8.5			Học tốt, tích cực phát biểu.	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trương Đăng Khoa

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhân xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 39/48

HỌC KỲ II

Công nghệ Lâm Nghiệp - Thủy Sản (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Thị Kim Anh	9,0	10,0	10,0			8,0	8,0	8,6	8.6			Có ý thức học tập, ngoan
2	Châu Hoài Bảo	9,0	9,0	6,0			8,8	7,8	8,1	8.2			Có ý thức học tập, ngoan
3	Trần Thanh Bảo	9,0	10,0	10,0			9,3	7,8	8,9	8.9			Có ý thức học tập, ngoan
4	Trương Thanh Bình	8,0	9,0	10,0			7,8	7,8	8,3	8.2			Có ý thức học tập, ngoan
5	Nguyễn Chí Dũng	9,0	9,0	9,0			7,0	8,0	8,1	8.2			Có ý thức học tập, ngoan
6	Tô Tân Đức	9,0	9,0	9,0			9,5	8,5	8,9	9.0			Chăm chỉ trong học tập
7	Phan Văn Hậu	9,0	9,0	10,0			9,0	7,3	8,5	8.6			Chăm chỉ trong học tập
8	Trần Phước Hiệp	10,0	9,0	9,0			9,3	8,3	8,9	8.9			Có ý thức học tập, ngoan
9	Phạm Trần Tuấn Khang	9,0	10,0	10,0			8,3	9,0	9,1	9.2			Học giỏi, ngoan
10	Huỳnh Quốc Khánh	10,0	9,0	10,0			9,3	8,8	9,3	9.0			Học giỏi, ngoan
11	Nguyễn Đăng Khoa	9,0	10,0	10,0			9,3	8,5	9,1	8.9			Học giỏi, ngoan
12	Phạm Anh Khôi	9,0	9,0	10,0			9,5	8,5	9,1	8.7			Học giỏi, ngoan
13	Châu Tả Hoàng Khương	9,0	7,0	8,0			8,0	7,8	7,9	8.0			Học khá, cần cố gắng hơn
14	Nguyễn Minh Luân	9,0	9,0	9,0			8,8	7,8	8,5	8.6			Có ý thức học tập, ngoan
15	Huỳnh Văn Luân	9,0	9,0	9,0			8,0	8,0	8,4	8.5			Có ý thức học tập, ngoan
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	9,0	9,0	10,0			8,8	8,8	9,0	9.0			Học giỏi, ngoan
17	Trần Thị Kiều My	9,0	10,0	10,0			8,5	8,5	8,9	9.0			Có ý thức học tập, ngoan
18	Trần Kim Ngân	10,0	9,0	10,0			8,3	8,5	8,9	8.8			Có ý thức học tập, ngoan
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	9,0	10,0	10,0			9,0	7,8	8,8	8.8			Có ý thức học tập, ngoan
20	Châu Thị Cẩm Nhung	10,0	9,0	10,0			8,8	8,8	9,1	9.1			Học giỏi, ngoan
21	Cao Thanh Phú	9,0	9,0	10,0			9,5	8,3	9,0	9.0			Có ý thức học tập, ngoan
22	Cao Minh Tâm	10,0	9,0	9,0			8,3	8,0	8,6	8.4			Có ý thức học tập, ngoan
23	Nguyễn Minh Tâm	9,0	10,0	8,0			8,5	6,8	8,1	8.4			Chăm chỉ trong học tập
24	Nguyễn Thành Tân	10,0	9,0	10,0			9,0	8,3	9,0	8.8			Có ý thức học tập, ngoan
25	Trương Quốc Thái	9,0	10,0	10,0			9,3	8,3	9,1	8.7			Học giỏi, ngoan
26	Ung Thị Như Thảo	10,0	9,0	10,0			8,0	6,5	8,1	8.3			Chăm chỉ trong học tập, ngoan
27	Trần Quốc Thắng	9,0	10,0	9,0			9,3	7,8	8,8	8.8			Có ý thức học tập, ngoan
28	Nguyễn Hoài Thiện	8,0	9,0	9,0			9,3	8,5	8,8	8.9			Có ý thức học tập, ngoan
29	Lê Gia Thịnh	9,0	9,0	8,0			9,3	8,5	8,8	8.5			Chăm chỉ trong học tập
30	Trần Chánh Tín	10,0	9,0	9,0			9,3	8,5	9,0	8.8			Có ý thức học tập, ngoan
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	9,0	10,0	10,0			8,8	8,8	9,1	8.9			Học giỏi, ngoan
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	9,0	9,0	9,0			9,3	9,3	9,2	9.0			Có ý thức học tập, ngoan
33	Nguyễn Minh Trung	9,0	10,0	10,0			8,5	9,0	9,1	8.8			Có ý thức học tập, ngoan
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	10,0	9,0	9,0			9,0	8,5	8,9	8.6			Chăm chỉ trong học tập
35	Nguyễn Thái Tuấn	9,0	10,0	9,0			9,3	8,3	8,9	8.6			Chăm chỉ trong học tập
36	Nguyễn Thị Yến Vi	10,0	9,0	10,0			8,5	8,5	8,9	8.8			Chăm chỉ trong học tập, ngoan
37	Nguyễn Hữu Vinh	9,0	8,0	9,0			8,5	7,8	8,3	8.3			Chăm chỉ trong học tập
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	10,0	9,0	10,0			9,3	9,3	9,4	9.2			Học giỏi, ngoan
39	Nguyễn Trường Phương Vy	9,0	10,0	10,0			7,5	8,5	8,7	8.8			Chăm chỉ trong học tập, ngoan
40	Nguyễn Thị Yến Vy	9,0	9,0	9,0			8,8	8,5	8,8	8.8			Chăm chỉ trong học tập, ngoan

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thanh Phong

Giáo dục thể chất														HỌC KỲ II													
(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)																											
STT	Họ và tên	Mức đánh giá												Ghi Chú													
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)																									
		Thường Xuyên						Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại															
Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)																											
														Học kỳ	Cuối năm												
1	Nguyễn Thị Kim Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
2	Châu Hoài Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
3	Trần Thanh Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
4	Trương Thanh Bình	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
5	Nguyễn Chí Dũng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
6	Tô Tấn Đức	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
7	Phan Văn Hậu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
8	Trần Phước Hiệp	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
9	Phạm Trần Tuấn Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
10	Huỳnh Quốc Khánh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
11	Nguyễn Đăng Khoa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
12	Phạm Anh Khôi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
13	Châu Tả Hoàng Khương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
14	Nguyễn Minh Luân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
15	Huỳnh Văn Luân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
17	Trần Thị Kiều My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
18	Trần Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
20	Châu Thị Cẩm Nhung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
21	Cao Thanh Phú	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
22	Cao Minh Tâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
23	Nguyễn Minh Tâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
24	Nguyễn Thành Tân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
25	Trương Quốc Thái	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
26	Ung Thị Như Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
27	Trần Quốc Thắng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
28	Nguyễn Hoài Thiện	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
29	Lê Gia Thịnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tích cực tập luyện tốt											
30	Trần Chánh Tín	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tích cực											
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tích cực											
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tích cực											
33	Nguyễn Minh Trung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tích cực											
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tích cực											
35	Nguyễn Thái Tuấn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tích cực											
36	Nguyễn Thị Yến Vi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tích cực											
37	Nguyễn Hữu Vinh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tích cực											
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tích cực											
39	Nguyễn Trường Phương Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tích cực											
40	Nguyễn Thị Yến Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tích cực											

Giáo viên môn học
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn En

HỌC KỲ II													
Giáo dục địa phương (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá										Ghi Chú	
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)											
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại		
Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)													
1	Nguyễn Thị Kim Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
2	Châu Hoài Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
3	Trần Thanh Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
4	Trương Thanh Bình	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
5	Nguyễn Chí Dũng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
6	Tô Tân Đức	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
7	Phan Văn Hậu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
8	Trần Phước Hiệp	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
9	Phạm Trần Tuấn Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
10	Huỳnh Quốc Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
11	Nguyễn Đăng Khoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
12	Phạm Anh Khôi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
13	Châu Tả Hoàng Khương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
14	Nguyễn Minh Luân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
15	Huỳnh Văn Luân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
17	Trần Thị Kiều My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
18	Trần Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
20	Châu Thị Cẩm Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
21	Cao Thanh Phú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
22	Cao Minh Tâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
23	Nguyễn Minh Tâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
24	Nguyễn Thành Tân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
25	Trương Quốc Thái	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
26	Ung Thị Như Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
27	Trần Quốc Thắng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
28	Nguyễn Hoài Thiện	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
29	Lê Gia Thịnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
30	Trần Chánh Tín	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
33	Nguyễn Minh Trung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
35	Nguyễn Thái Tuấn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
36	Nguyễn Thị Yến Vi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
37	Nguyễn Hữu Vinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
39	Nguyễn Trường Phương Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
40	Nguyễn Thị Yến Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ

Giáo viên môn học
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Xuân Trường

HĐTrN-HN														HỌC KỲ II													
(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)																											
STT	Họ và tên	Mức đánh giá												Ghi Chú													
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)																									
		Thường Xuyên						Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại															
												Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)															
												Học kỳ	Cuối năm														
1	Nguyễn Thị Kim Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động.													
2	Châu Hoài Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
3	Trần Thanh Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động.													
4	Trương Thanh Bình	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
5	Nguyễn Chí Dũng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
6	Tô Tân Đức	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động.													
7	Phan Văn Hậu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
8	Trần Phước Hiệp	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
9	Phạm Trần Tuấn Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
10	Huỳnh Quốc Khánh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
11	Nguyễn Đăng Khoa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động.													
12	Phạm Anh Khôi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
13	Châu Tả Hoàng Khương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
14	Nguyễn Minh Luân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
15	Huỳnh Văn Luân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
17	Trần Thị Kiều My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động.													
18	Trần Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động.													
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động.													
20	Châu Thị Cẩm Nhung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
21	Cao Thanh Phú	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
22	Cao Minh Tâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
23	Nguyễn Minh Tâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động.													
24	Nguyễn Thành Tân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
25	Trương Quốc Thái	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
26	Ung Thị Như Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động.													
27	Trần Quốc Thắng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động.													
28	Nguyễn Hoài Thiện	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
29	Lê Gia Thịnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
30	Trần Chánh Tín	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động.													
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
33	Nguyễn Minh Trung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực hoạt động.													
35	Nguyễn Thái Tuấn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
36	Nguyễn Thị Yến Vi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
37	Nguyễn Hữu Vinh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
39	Nguyễn Trường Phương Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													
40	Nguyễn Thị Yến Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt.													

Giáo viên môn học
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

TỔNG HỢP HỌC KỲ II

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Công nghệ Lâm Nghiệp -		
1	Nguyễn Thị Kim Anh	Đ	Đ	Đ	8,4	8,6	9,0	8,9	8,2	8,3	7,2	9,1	8,6	T	T
2	Châu Hoài Bảo	Đ	Đ	Đ	9,2	8,6	9,1	8,3	8,7	8,7	8,2	9,1	8,1	T	T
3	Trần Thanh Bảo	Đ	Đ	Đ	9,2	9,6	9,8	9,4	9,3	9,1	8,5	9,1	8,9	T	T
4	Trương Thanh Bình	Đ	Đ	Đ	9,1	8,5	8,7	8,7	9,0	8,6	8,4	8,6	8,3	T	T
5	Nguyễn Chí Dũng	Đ	Đ	Đ	8,7	9,1	9,5	8,6	8,6	8,7	8,3	8,4	8,1	T	T
6	Tô Tấn Đức	Đ	Đ	Đ	8,5	9,2	9,6	8,4	9,5	8,9	8,7	8,3	8,9	T	T
7	Phan Văn Hậu	Đ	Đ	Đ	8,4	8,2	8,7	8,5	8,4	9,1	7,8	8,6	8,5	T	T
8	Trần Phước Hiệp	Đ	Đ	Đ	8,3	8,6	8,8	8,7	8,8	8,5	8,2	8,4	8,9	T	T
9	Phạm Trần Tuấn Khang	Đ	Đ	Đ	8,2	8,9	8,4	9,4	9,2	8,9	8,0	8,9	9,1	T	T
10	Huỳnh Quốc Khánh	Đ	Đ	Đ	8,4	9,1	9,8	8,7	9,4	9,1	8,4	8,3	9,3	T	T
11	Nguyễn Đăng Khoa	Đ	Đ	Đ	8,4	9,5	8,9	9,3	9,3	9,3	7,9	8,4	9,1	T	T
12	Phạm Anh Khôi	Đ	Đ	Đ	8,6	9,6	9,1	8,6	9,3	9,5	8,3	9,7	9,1	T	T
13	Châu Tá Hoàng Khương	Đ	Đ	Đ	8,3	8,6	8,4	8,7	8,5	8,8	8,3	8,6	7,9	T	T
14	Nguyễn Minh Luân	Đ	Đ	Đ	8,4	8,6	9,0	8,6	8,7	8,8	7,9	8,9	8,5	T	T
15	Huỳnh Văn Luân	Đ	Đ	Đ	8,4	8,6	8,4	8,8	8,4	8,1	8,7	8,3	8,4	T	T
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	Đ	Đ	Đ	9,2	8,6	9,4	8,6	8,6	8,3	7,8	8,9	9,0	T	T
17	Trần Thị Kiều My	Đ	Đ	Đ	8,4	8,6	8,8	9,1	8,4	8,5	8,8	9,0	8,9	T	T
18	Trần Kim Ngân	Đ	Đ	Đ	8,2	9,3	9,5	9,2	8,9	8,2	7,9	9,0	8,9	T	T
19	Nguyễn Thị Thanh Nhã	Đ	Đ	Đ	8,5	8,8	8,6	8,8	8,7	8,5	8,3	8,7	8,8	T	T
20	Châu Thị Cẩm Nhung	Đ	Đ	Đ	8,3	8,7	8,7	8,9	8,7	8,8	8,8	9,3	9,1	T	T
21	Cao Thanh Phú	Đ	Đ	Đ	8,4	8,9	9,1	8,9	8,7	9,2	9,0	8,1	9,0	T	T
22	Cao Minh Tâm	Đ	Đ	Đ	8,5	8,5	9,1	8,5	9,1	8,8	8,1	8,4	8,6	T	T
23	Nguyễn Minh Tâm	Đ	Đ	Đ	8,2	8,9	9,1	8,6	8,9	8,9	8,5	8,7	8,1	T	T
24	Nguyễn Thành Tân	Đ	Đ	Đ	8,1	8,4	8,2	8,7	8,5	8,8	7,7	8,9	9,0	T	T
25	Trương Quốc Thái	Đ	Đ	Đ	8,0	8,6	8,7	8,6	8,9	8,6	7,9	8,4	9,1	T	T
26	Ung Thị Như Thảo	Đ	Đ	Đ	8,1	9,0	9,5	8,9	9,0	8,9	8,1	8,3	8,1	T	T
27	Trần Quốc Thắng	Đ	Đ	Đ	8,6	9,0	9,7	8,5	9,3	9,1	8,6	8,4	8,8	T	T
28	Nguyễn Hoài Thiện	Đ	Đ	Đ	8,8	8,6	9,6	8,3	8,7	8,8	8,7	8,7	8,8	T	T
29	Lê Gia Thịnh	Đ	Đ	Đ	8,0	8,6	9,6	8,5	8,8	9,5	7,7	8,7	8,8	T	T
30	Trần Chánh Tín	Đ	Đ	Đ	8,4	8,5	8,3	8,7	8,4	9,1	8,4	8,3	9,0	T	T
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	Đ	Đ	Đ	8,3	8,8	9,6	8,5	8,6	8,5	8,8	8,7	9,1	T	T
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	Đ	Đ	Đ	8,1	8,4	8,7	8,4	8,4	9,1	8,5	8,4	9,2	T	T
33	Nguyễn Minh Trung	Đ	Đ	Đ	8,1	8,5	9,6	8,5	8,4	8,7	7,4	8,6	9,1	T	T
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	Đ	Đ	Đ	8,8	9,2	9,6	8,6	9,1	8,8	8,2	9,1	8,9	T	T
35	Nguyễn Thái Tuấn	Đ	Đ	Đ	9,3	8,6	8,1	8,6	8,5	8,7	7,9	8,9	8,9	T	T
36	Nguyễn Thị Yến Vi	Đ	Đ	Đ	9,0	8,3	9,6	8,6	8,8	8,9	8,4	8,4	8,9	T	T
37	Nguyễn Hữu Vinh	Đ	Đ	Đ	9,0	8,9	9,6	8,6	8,8	8,9	8,5	9,0	8,3	T	T
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	Đ	Đ	Đ	8,7	8,6	9,6	8,8	9,2	8,8	8,5	8,4	9,4	T	T
39	Nguyễn Trường Phương Vy	Đ	Đ	Đ	8,2	8,4	8,6	9,1	9,1	8,9	7,5	8,6	8,7	T	T
40	Nguyễn Thị Yến Vy	Đ	Đ	Đ	9,2	8,6	8,3	8,9	9,6	8,8	8,9	8,1	8,8	T	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Huỳnh Thanh Nhân

PHẦN GHI KẾT QUẢ

CUỐI NĂM HỌC

TỔNG HỢP CẢ NĂM HỌC

Số TT	Họ và tên	Mức đánh giá		Mức đánh giá sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè; kiểm tra, đánh giá lại		Tổng số buổi nghỉ học	Được lên lớp	Không được lên lớp	Khen thưởng	Tổng hợp chung
		Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập					
1	Nguyễn Thị Kim Anh	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	Tổng số học sinh: 40
2	Châu Hoài Bảo	T	T			4	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
3	Trần Thanh Bảo	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
4	Trương Thanh Bình	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
5	Nguyễn Chí Dũng	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
6	Tô Tấn Đức	T	T			3	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	- Đủ điều kiện thi tốt nghiệp THPT: 40 trong đó 0 học sinh Đủ điều kiện thi tốt nghiệp THPT sau khi học tập, rèn luyện thêm trong hè.
7	Phan Văn Hậu	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
8	Trần Phước Hiệp	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
9	Phạm Trần Tuấn Khang	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
10	Huỳnh Quốc Khánh	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
11	Nguyễn Đăng Khoa	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	- Không đủ điều kiện thi tốt nghiệp THPT: 0
12	Phạm Anh Khôi	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
13	Châu Tá Hoàng Khương	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
14	Nguyễn Minh Luân	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
15	Huỳnh Văn Luân	T	T			3	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
16	Nguyễn Trần Minh Mẫn	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)
17	Trần Thị Kiều My	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
18	Trần Kim Ngân	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
19	Nguyễn Thị Thanh Nhâ	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
20	Châu Thị Cẩm Nhung	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
21	Cao Thanh Phú	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
22	Cao Minh Tâm	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
23	Nguyễn Minh Tâm	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
24	Nguyễn Thành Tân	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
25	Trương Quốc Thái	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
26	Ung Thị Như Thảo	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	Nguyễn Minh Triều
27	Trần Quốc Thắng	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
28	Nguyễn Hoài Thiện	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
29	Lê Gia Thịnh	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
30	Trần Chánh Tín	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
31	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
32	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
33	Nguyễn Minh Trung	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
34	Nguyễn Hoàng Tuấn	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
35	Nguyễn Thái Tuấn	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
36	Nguyễn Thị Yến Vi	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
37	Nguyễn Hữu Vinh	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
38	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
39	Nguyễn Trường Phương Vy	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
40	Nguyễn Thị Yến Vy	T	T			5	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG
VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 9	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 10	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 11	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 12	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 1	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ
SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 2	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 3	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 4	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 5	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều